SỐ 11 NĂM CANH NGỌ 1re SEMAINE JUILLET 1930

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hồn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BÁO-QUÁN
4, Boulevard Francis Garnier, 4
HANOI

GIÁ BÁO
Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ HANOI
1930

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Số 11 NĂM CANH-NGỌ 1ère Semaine Juillet 1930

AN-NAM TẠP-CHÍ

Kính ngỏ cùng Độc-giả chư vị

Nay An-nam tạp-chí lại ra đời, tôi là kẻ chủ-sự, xin có ít lời trân-trọng tường minh, kính ngỏ cùng Độc giả chư vị là khắp thảy quốc-dân sĩ nữ trong ba kỳ, cùng những ai sĩ, binh, công, thương, lữ-du nơi hải-ngoại, cùng hiểu biết cho rằng :

1° - Từ khi trước An-nam tạp-chí mới ra, tôi ở trong báo-quán, thường có nghe nhiều người phi nghị về hai chữ tên tạp-chí, cho rằng : Hai chữ « *An-nam* » đó, là tự người Tầu, đời nhà Đường, sang đô-hộ ta, đặt là « *An-nam đô hộ phủ* ». Lựa như thế, không nên dùng để đặt tên tạp-chí. Ý tôi thời thấy rằng : muốn lấy quốc-hiệu đặt làm tên tạp-chí, mà quốc-hiệu của ta, từ xưa rất là bất nhất : *Việt-nam*, *Đại-việt*, *Đại-nam*, vân vân, xem ra như những chữ đó chỉ là chữ thông dùng trong học-giới, không phải là tiếng thường dùng của quốc-dân. Quốc-hiệu thường dùng của quốc-dân, chỉ là hai chữ « **An-nam** » vậy Không cứ những người thôn quê ít học, đàn bà trẻ con cùng với nhau nói chuyện mà nói là « người An-nam ta», dẫu những sĩ phu học-tử, trong những lúc thường nói, cũng đều nói là « An-nam » ; ít có dùng đến những tiếng *Đại-Việt*, *Việt-nam* để cùng nhau nói truyện. Nay cuốn tạp-chí in ra, là đối với khắp thảy quốc dân mà trần thuyết mọi sự, không phải là riêng đối với những người có học mà thôi. Cho nên lấy quốc-hiệu đặt tên mà định là hai chữ « An-nam », là ý kiến của tôi như thế. Mong rằng tạp-chí lưu hành khắp cả toàn quốc, phàm là người An-nam đều biết có tạp-chí An-nam ; mà sự hay dở của tạp-chí có quan-hệ mật thiết với sự thịnh xuy của quốc-dân, thời tạp-chí mới không phụ đặt tên bằng quốc-hiệu vậy. Lại nghĩ như quốc-hiệu là cái chữ, cái tiếng để mà gọi tên nước, quý hồ cho mọi người trong nước cùng biết, không cần phải nhận nghĩa lắm làm chi. Nếu nước ta sau này mà giời cho khá lên thời hai chữ « *Annam* » cũng chẳng khác gì như những chữ « France, Japon, Angleterre, Russie, Etas-Uni, Chinois v... v... Nêu hèn mạt không ra bộ rạng gì, thời dẫu Đại-Việt, hay Đại-Nam, hay là Đại-cồ-Việt, mà cũng chỉ vẫn là cái nước ấy vậy. Khi trước tạp-chí còn ra ở Hàng-Lọng, tôi cũng chưa đem ý kiến ấy trần bạch. Nay nhân lúc tái hành xuất bản, muốn trình đốn nhất tân, trước xin thưa cùng quốc-dân về ý-kiến của tôi lấy hai chữ « An-nam» đặt làm tên tạp-chí.

2° — Trong khi Annam tạp-chí tạm đình bản, tôi nhân thế mà được đi chơi ít nhiều nơi lại được nghe thấy những nhời phi nghị, là về hai chữ « *Chủ-nhân* ». Đại-khái cái ý-kiến về sự phi nghị đó rằng : tạp-chí đặt theo quốc-hiệu là An-nam mà trên chữ tên kỳ của tôi ở ngoài nhan, cứng là «chủ-nhân»,

chỗ đó như không khỏi có tư ý. Nay tôi xin có lời trần-bạch rằng : nguyên từ khi tôi chưa làm việc An-nam tạp-chí, thấy có nhiều báo chí, ngoài nhan in những « *chủ-nhiệm, chủ-bút, quản-lý*, vân vân » rất nhiều danh mục, hằng khi làm bận mắt cho người xem. Vậy nên trong khi ấy tôi theo sự dẫn tiện, tự đứng là Chủ-nhân, chỉ là đối với cái việc của tạp-chí, chớ không phải là dám có ý riêng gì đối với cái tên của tạp-chí. Nếu đã có người ngờ vực mà lấy làm phi nghị, thời tôi cũng không khó gì chiều theo dư-luận mà đổi bỏ cái danh hiệu vô tình ấy đi. Nay về sau, trên nhan cuốn An-nam tạp-chí, tôi xin tự đứng là « *Chủ-sự* », tức là dịch ở chữ pháp *Directeur*, là một kẻ chủ coi công việc trong báo-quán, trên đối với Chánh-phủ nhận trách-nhiệm, trong đối với mọi người làm việc giữ trật-tự, ngoài đối với các bạn độc-giả, việc gửi bài, việc mua báo, thư tín vãng lai. Nghĩ như thế có lẽ là tiện. Còn như nói về phần danh nghĩa to nhớn, thời tạp-chí đã lấy quốc-hiệu làm tên, tức toàn thể quốc-dân là chủ, nghĩa thực quang minh chính đại mà phá tan hết sự hiềm nghi. Nay về sau, chư vị độc-giả đã đều có chức-trách là chủ nhân tạp-chí An-nam, thời xin rằng đồng tâm hợp lực, làm cho tạp-chí được hơn xưa, để làm một cái cơ-quan tiến-thủ chung cho quốc-dân An-nam ta trong buổi cạnh tranh sinh-tồn này, tưởng Chư-tôn cũng sẵn lòng công nhận cho là một nhẽ chánh-đáng vậy.

3. — Việc toà soạn, chỉnh-đốn nội-dung của tạp-chí, tôi xin dự định và bầy tỏ như sau đây:

Phàm các sự hủ-bại câu-nệ, như trong tạp-chí ra hồi xưa, nhất thiết tuỳ nghi biến đổi. Phần luận thuyết, chú-trọng nói về *tinh thần tư tưởng các dân-tộc Đông-Á, văn-học nhân-vật cả Đông-Á và Tây-Âu; ngoài ra như các bài về khoa-học, thực-nghiệp, gia-chính, thể-thao, nhất nhất tùy nghi đăng tải. Hán-văn diễn giảng, Thi-đàn giảng tập*, hai mục đó riêng về việc học. để đối với những người muốn học biết chữ Hán, muốn tập làm thơ-ca quốc-văn. *Việt-nam nhị thập-thế-kỷ xã-hội thiên-đàm, Việt-nam nhị thập-thế-kỷ xã-hội ba-đào ký*, hai phần đó, trước vì hết thảy các hạng người trong xã-hội thêm thú vui giao dịch kiến văn, mà sau là lưu một mối sử-tài cho kẻ hậu-lai vậy. Đó là đại-khái nội-dung của tạp-trí trong khi mới bắt đầu chỉnh-đốn mà tôi tạm định để công cáo với đồng-nhân, còn như mỗi ngày tuỳ nghi xửa đổi, mong cho đạt đến hoàn-toàn thời tự có ý-kiến của công chúng tức là toàn thể quốc-dân là chủ nhân tạp-chí An-nam vậy.

4. — Việc tài-chính, kể là việc riêng trong báo-quán, không can-hệ gì đến ai ai : song mà sự thịnh suy của tạp-chí, có trông ở đó về phần nhiều, cho nên tiện bài kính ngỏ đây, cũng xin để độc-giả chư tôn biết qua sự-thể.

Phàm các sự chi-tiêu trong báo-quán, nhất nhất đều có thể chuộng theo kiệm ước, mong cho dẫn phí mà báo được vững bền, duy một việc đối với nhà in, tức là thuộc khoản tiền chi giả về sự in Tạp-chí thời không thể nói sự kiệm-ước. Trong báo quán ít tiền thời số Tạp-chí in ra được có ít ; số Tạp-chí in ra ít, thời phải chịu giả đắt ; Tạp-chí đã in đắt, thời không thể bán được rẻ ; Tạp chí bán không rẻ, thời số người mua không được nhiều ; số người mua không nhiều, thời sự truyền-bá không rộng. Đó đã là một sự thua kém trong báo-giới, mà sự lý không thể sao. Nếu các bạn mua năm mà lại chậm giả tiền, thời nhà báo đối với nhà in, sự giả tiền cũng phải chậm ; tiền nhà in giả chậm, thời Tạp-chí xuất bản phải chễ kỳ. Tạp-chí xuất bản không đúng kỳ, thời tín-nhiệm đối với độc-giả có kém : tín nhiệm đối với độc-giả kém, thời số người mua khó mong hơn. Đó cũng lại là một sự khó-khăn cho những báo-quán không giầu, mà sự-lý do ở bên ngoài vậy.

Tôi nguyên không phải là một nhà tư-bản, cũng không cần phải dấu ai trong xã-hội làm chi. Việc An-nam Tạp-chí lại ra đời phen này, cũng là nhờ có một người bạn đồng-chí của tôi chủ giúp nhất thiết các sự phí dụng. Song tiếc vì người bạn

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đồng-chí của tôi cũng lại không phải thật được là một nhà tư-bản, cho nên các công việc hành động, nhất thiết phải kiệm-ước khó khăn. Tôi lại nghĩ như lần trước An-nam tạp-chí đã ra đời mà rồi tạm đình bản, chỗ đó chắc có mất nhiều tín-nhiệm với các bạn mua năm ; lần này Tạp-chí lại ra, ai là người mua năm mà sẵn lòng sớm sự giá tiền, có lẽ cũng thật hiếm. Trong sự khó-khăn lại còn khó nhẽ riêng như thế ; Tạp-chí đã là việc chung của xã-hội, thời xin nói để ai ai cùng hay.

5. — Riêng phần tôi, không kể là một kẻ chủ-sự của An-nam Tạp chí, chỉ hay rằng là một người văn-sĩ xuất thân từ quyển Khối-tình-con. Tôi tự nghĩ từ khi tôi xuất thân từ quyển Khối-tình-con đến nay, văn-chương có lấy gì làm hay, mà tiêu tiền của xã hội tưởng ra có đến hơn mười vạn là ít. Đó là nói về phần vật-chất. Nếu lại lấy tinh-thần mà nói, thời rau sắn chùa Hương, phong thư mũi Ngọc, cách quan hà chan-chứa ái ân ; bẩy đồng bạc ra Bắc, bẩy đồng bạc vào Nam, vượt thủy lục bạn bầu tri-kỷ. Than ôi ! một kẻ hủ-nho sinh thì Hán-học đã tàn quang, một nhà văn-sĩ đương lúc kim-tiền tranh thế lực, mà sống ở trên đời còn được vinh hạnh đến như thế, thời như cái ơn sâu nghĩa nặng của hai nhăm triệu đồng-bào sĩ nữ, ai chưa chết mà dám quên !

Nghĩ như vậy, mà tôi lại tự nghĩ rằng : mình chẳng qua chỉ là một con nhà văn-sĩ, ngoài câu văn-chương, sự ngôn luận, không còn biết lấy gì mà mong báo đáp với ai ai. Cho nên phen này tôi lại ra làm Tạp-chí An-nam, tức là do một phiến cảm-hoài mong sao được thù ơn báo đức vậy. Vậy lại dám mong ở các quân-tử trong xã-hội, tài cao biết rộng, sẵn lòng vì Tạp-chí An-nam, cùng làm cho Tạp-chí tiến lên thành một cái cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân, thời trước là có ích cho tiền-đồ của quốc-dân, mà sau thời phần riêng tôi cũng may được nhờ theo bóng nhật nguyệt, mùi chi lan, để giả nợ đồng-bào vạn nhất. Sau khi đó, trong xã-hội ta tự không thiếu các bực tài đức, xin sẽ ra mà gánh vác lấy công việc của công chúng, cho tôi được lui về chỗ rừng xanh sóng bạc, truyên làm việc Tản-đà thư-cục, kết duyên xưa với núi Tản sông Đà ; ngày rộng tháng dài, có nhiều bài gửi về An-nam tạp chí, lại gần hơn gửi bài vào Phụ-nữ-tân-văn, thời thật là bạnh phúc hoàn toàn của kẻ hủ-nho vậy. Mong vậy mà biết sao ?

Phen này An nam tạp-chí lại ra, riêng lòng tôi thấy rằng : phần lành lợi vui mừng kém trước, mà sự lo sâu nghĩ xa hơn xưa, cho nên không giấu ngu-thành, dối Chư-tôn cộng bạch. Ai có lượng xét, trước xin cám ơn.

Các nhẽ như thế nào mặc lòng, cứ nay An-nam tạp-chí đã lại được ra đời, tôi là chủ-sự, chỉ biết hết tài lực của một kẻ văn-sĩ, xin theo cùng mọi người trong báo-giới, tự coi như tên lính đội tiền-phong, dạ sắt lòng son, ngọn cờ phất, thẳng trông đường tiến-thủ.

AN-NAM TẠP-CHÍ
Chủ-sự
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
kính

LỜI TRẦN BẠCH Ở ĐÔNG-PHÁP-THỜI-BÁO

Trong năm 1928, tôi giúp việc ở Đông-Pháp-Thời Báo tại Saigon, có lời trần bạch về việc An-nam Tạp-chí. Nay sao lục như dưới :

AN-NAM TẠP-CHÍ

Nay tôi lại có lời trần-cáo cùng các bạn độc-giả của Annam Tạp-chí, trước hết

hãi xin các ngài miễn trách cho cái sự bất tài của tôi và lượng xét cho cái chỗ khổ trung của tôi đối với An-nam Tạp-chí, rồi xin xem đến mấy lời rãi tỏ như dưới đây.

Trong mấy bài quảng-cáo của tôi trước có nói rằng: ông Diệp-văn-Kỳ sẽ đỡm-nhận cho Annam Tạp-chí lại xuất bản, là sự in đã nhờ in ở nhà in « Bảo-Tồn » và phí tổn mỗi tháng hết bao nhiêu, do ông Kỳ chi-phối. Tuy về sự tiền tài đỡ phải lo như vậy, song mà về công việc làm thời cũng còn nhiều nỗi khó-khăn. Là sao? Mỗi kỳ Tạp-chí làm ở trong Nam mà phải gửi ra Bắc kiểm-duyệt; kiểm-duyệt ở Bắc có được phép thời gửi vào Nam để in; in ở Nam song rồi thời lại phải gửi Tạp-chí ra Bắc để phát hành (theo nghị-định thời sự phát hành phải ở Hanoi). Như thế thiệt mất nhiều thì giờ mà phiền phí quá lắm; dẫu Tạp-chí có xuất bản được nữa, cũng là sự gắng-gượng mà thôi. Vậy nay tôi đành chịu là bất-tài mà để cho Annam Tạp-chí hẳn đình bản. Trong khi Annam Tạp-chí còn đình bản, bao nhiêu sự phi-nghị của xã hội, nhất thiết tôi xin cam chịu, không dám cãi chút nào. Nay chỉ xin đối với các ngài mua báo mà nói về sự mua bán.

Một là: Ngài nào mua Tạp-chí đồng niên mà đã trả tiền trước, nay xin lấy Đông Pháp-Thời-Báo gửi thế, cho đủ số tiền dư của các ngài. Hai là: Ngài nào mua nửa năm mà trả tiền, thời xin gửi một kỳ Đông-pháp này nữa (trước tôi đã gửi biếu các ngài ba kỳ). Ba là: Ngài nào mua đồng-niên hoặc nửa năm mà chưa trả tiền, thời cũng xin gửi một kỳ Đông-pháp này để các ngài biết qua sự tình của Annam Tạp-chí, còn như số tiền mua Tạp-chí thời này Tạp-chí đã chưa ra được nữa, tôi xin để tùy ý các ngài.

Nay tôi ở Đông-pháp Thời-báo, truyên về mục văn-chương, vậy mong các bạn văn chương thường gửi cho Annam Tạp-chí khi xưa, xin lại gửi lai-cảo theo tên tôi cho Đông-pháp thời-báo, được đội ơn lắm lắm.

Sau này xin có một câu thưa cùng các Ngài rằng: Non nước An-nam hãy còn, Tạp-chí An-nam có lẽ cũng chưa chết.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

MỘT BÀI HÁT MIỄU NÓI
cảm hoài về An-nam Tạp-chí lại ra đời

Nam xưa đinh-mão ta ngơi
Năm nay canh-ngọ ta thời lại ra
Ai về nhắn chị em nhà.
Nhắn rằng: ta nhắn rằng ta ra đời

Nhàn khổ bất tri túc.
Bạc đầu, thôi còn chen-trúc mài không thôi.
Biết non xanh lâu những đợi chờ ai,
Mà cõi tục vẫn mải chơi người giấc mộng.

Vân nhàn Tản lĩnh không tương trục;
Lãng nộ Đà-giang cấp tự lưu.

Cuốn ba đào, phong vỗ, giận, cười, reo.
Thuyền một lá, một chèo, ai với nước.
Năm đinh-mão, khoảng đầu xuân, nhớ những ai ngày trước,
Người bao nơi, mà thệ-ước đã bao đồng.
Ai, ai, ai,.. còn có nhớ ai không?
Phố Hàng Lọng, đội tiền-phong, tên lính cũ.
Qua thủa đó, non Hồng-lĩnh, bể Thuận-an, đường Hải-vân, sông Sài-gòng, đồi Vĩnh-yên, nam bón bắc tầu, (1)

Bức ru-đồ nhem xấu, vẫn còn nguyên.
Cũng mừng thay, mà cũng ngậm-ngùi duyên,
Ông tạo-vật ghét ghen nhường đã quá.
Sách có chữ: « cố thiên tương dáng đại-nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngạ kỳ thể phu, khốn phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi. Sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng »
Phải rằng ý thế hay chăng?

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

(1) Sự tưởng ở quyển Giấc mộng lớn.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Tiền-đồ của nước An-nam ta và những đức-tính tính-cách của quốc-dân ta đối với tiền-đồ cần phải có trong thời-kỳ hiện-tại.

Hiện nay trong xã-hội ta, có một điều nghi-tự thứ nhất, làm cho nhân tâm bất nhất, hại cho sự tiến thủ thực nhiều, tức là nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta mà không biết sau này ra sao vậy.

Phàm sự đã thuộc về tương-lai, thời dầu ai có đoán quyết đến thế nào, cũng chẳng qua là sự ức-đạc, thực không thể lấy gì làm chứng cớ mà có giá-trị với người nghe. Tuy vậy, vì là một điều nghi-tự có quan-hệ đến nhân tâm, làm trở ngại cho sự tiến thủ, thời phàm kẻ có chức-trách ngôn luận, thực nên đề xướng mà nghị luận với công chúng dù có giá trị hay không có, cũng không cần quản đó làm chi. Vậy nay An-nam tạp-chí lại mới ra đời, tôi xin trước đem cái ý kiến của tôi nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta, biểu bạch như sau, để cùng với hết thảy quốc-dân An-nam ta, cùng nhau nghị luận.

Độc-giả chư tôn, hãy xin tĩnh tâm, đừng lấy làm kinh quái, đừng vội cho sự ức-đạc của tôi làm hoang-đường, cứ ý tôi nghĩ ra thời nước An-nam ta sau này, sẽ có một ngày bước rộng bay cao, xem với các nước bên Thái-tây chưa biết sao, cứ như ở phương Á-đông ta, thời có lẽ không nhường nước Nhật vậy. Xin do mấy lý-cớ, trần thuyết như dưới :

Trước hết lấy về **địa-lý** mà xét, nước ta địa-vị ở đông nam Á-châu, liền với đại-lục mà duyên cõi là bể, lục-phận bải phận đều có ; cao sơn, đại giang, bình nguyên, làm lộc đủ cả ; khí hậu ôn hòa. Văn-hoá ở phương bắc, tự bắc về nam; văn hóa ở phương tây, tự tây sang đông, thực như hai giòng nước tơ thuận theo địa-thế mà chầy dồn về một chỗ chũng vậy. Cái hình thế phú cường văn minh, thiên-nhiên an định, như Giời vẫn sẵn lòng vì con cháu nhà Hồng Lạc, để riêng cho một vùng lạc-thổ, cho cùng nhau sinh tụ sinh tồn. Chứng ở lịch-sử thời mấy nghìn năm xưa, ta đã có chịu nhiều ảnh hưởng của Trung-hoa mà nhận lĩnh đại đồng văn-hóa. Mấy mươi năm nay, lại nhờ có Đại-pháp bảo hộ, đem Thái-tây văn-hóa do hải-đạo truyền sang. Đông tây văn-hoá giao lưu, đò địa-lý mà thành nên nhân sự vậy. Nói về **chủng tộc** thời người An-nam ta tự cổ, thông minh tài lực, đáng là một dân-tộc ở trong cõi Á-đông, như bà Trưng-Trắc, đức Lê-Lợi, vua Quang trung, thực đem so sánh với người Tàu không kém. Người nước ta lại có cái **đức-tính** chịu khổ, dù cảnh-ngộ đến thế nào chẳng nữa, cũng nén lòng cam chịu để cầu sinh. Cho nên trải bao phen dưới uy hà-hãi của người Tàu, Lý-Trác kinh lược, Trương Phụ tổng binh, mà con cháu rồng tiên vẫn sinh sôi nẩy nở. Một làn cỏ xanh xanh ở duyên bờ Đông-hải, đã chịu nhiều tầm nhuận của Thái-bình-dương thủy lực, thời dầu cho bao nhiêu liềm sẻn chẳng hề chi. Một ngày lại một ngày, một năm lại một năm, để rộng lan nhiều, tựa như có sức tài bồi do cái đức hiếu sinh ông Tạo-hóa. Nghĩ về **khu-thể** thời người nước ta đem sánh

với người Tầu, người Nhật, phần to nhớn có kém ; song mà chính chỗ có kém đó, mới thực là chỗ có mong hơn. Vì sao ? Các công việc ở đời, mỗi ngày cần cấp ; cứ sự-thể văn minh tiến hóa, thời trọng-hậu không bằng lanh-lợi. Người nước ta thân hình nhỏ bé, chính là lợi về phần lanh-lợi, phàm các sự vận động về vật-chất, có khi hơn người Nhật người Tầu. Lấy cái khu thể lanh lợi, theo cái tư tính thông minh, hợp với cái đức tính chịu khổ, mà đua đuổi trên con đường tiến hóa, tưởng rằng chưa hẳn đã nhường ai. Giang sơn chật hẹp, là vì chưng dân-tộc yếu hèn ; dân-tộc nếu không hèn, giang sơn chẳng nhỏ vậy. Cứ sự-thực xét ra như thế, lại thử do **Lý-thuyết** mà nghĩ : sự sinh hoạt của một dân-tộc, cũng xem như thân thế của một người. Một người kia từ lúc ngây thơ, đã trải nhiều cảnh ngộ dan truân, cô hàn hoạn nạn, đó thực là thiên-nhiên học-hiệu, Tạo-vật kia nung đúc cho nên người. Nếu tài lực không đủ chịu được những cảnh ngộ ấy, thời đã từ xưa uổng triết mà không thể sinh tồn ; đã không uổng triết mà sinh tồn, thời tức là có chịu được những sự đào trú của hóa-công mà nhất thiết những cảnh-ngộ gian truân trong buổi hàn vi kia đều có ích cho thân thế về tương-lai, có hy-vọng nhớn nhao ở nhân-hoàn thế-cục. Một người riêng như thế, một dân-tộc cũng như thế. Dân tộc Annam ta, kể từ xưa sau đời Hùng Lạc, trải bao phen bắc-thuộc, cảnh cô hàn nếm đủ chua cay; hội Á Âu mà lại có phen này, nhờ Đại-pháp làm thầy, cho được biết chính giáo của Thái tây là thế thế. Giống Hồng Lạc đã chịu được những sự dèn cặp thiên nhiên do cảnh-ngộ ; ông Tạo-vật lại hết lòng nung đúc, thời rồi nữa có một phen mở mặt, sự dầu vị nhiên mà tất nhiên. Trong doanh hoàn còn có cuộc đua tren, cõi Đông-Á sẽ thấy bước tranh tiên của con nhà Nam Việt vậy. Hai nhăm triệu đồng-bào sĩ nữ, xin hãy cứ vui lòng cùng cảnh-ngộ, nhờ Đại-Pháp hết lòng khai hóa, để cho xem khí vận tuần hoàn. Lý-thuyết đã giải qua lại thử xuy xét về **khí vận**. Cứ xét như một giải Đông Á, từ thượng-cổ giở lại, văn minh khí-vận tự bắc mà dần truyền về nam. Hãy xem như ở nước Tầu khi xưa, nhân-tài thịnh sinh ở mạn bắc; gần đây thời Giang-nam một giải, biết bao hào kiệt đĩnh sinh. Cõi đất An-nam ta đối chiếu với các tỉnh mạn nam của nước Tầu, lại là ở về mạn nam, cho nên khí-vận chậm hơn mà khi thế văn-minh phải chậm. Nghĩ về sự chậm đó, tức là ở trong có hy-vọng, có lẽ cũng là sự vị nhiên mà tất nhiên. -- Giở lên, do ý kiến của tôi nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta chẳng qua mới là tưởng tượng vậy.

Cái tưởng-tượng về tiền đồ như thế, mà muốn cho cái tưởng tượng ấy có một ngày hoạt hiện thành chân-tượng thời quốc-dân ta trong thời-kỳ hiện-tại, cần phải có những đức-tính tính-cách như thế nào. Đó lại thuộc về sự nghị luận rất cần, lại thử luận như dưới :

1. — Quốc-dân ta cần phải có cái đức tính cẩn thận. Phàm mong được có cái hạnh-phúc to lớn, quyết không thể lấy khinh xuất mà làm nên, cho nên cẩn thận là quý. Nay cuộc cạnh tranh sinh tồn của quốc-dân An-nam ta, thử tạm ví như một sự chơi đánh bạc.

« *Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ ; đời chưa đáng chán, chị em ơi !* Hai câu thơ ở đầu mục Văn-uyển trong Phụ-nữ Tân-văn số 49, có thể mượn xem mà ngẫm được cái tinh thế có hy-vọng của quốc-dân An-nam ta trong buổi hiện thời. Tuy vậy, bạc đánh còn tiền mà đời chưa đáng chán, một nửa là sự thực, một nửa vẫn là câu thuyết lý cho vững tâm ; chữ « thua » kia mới thực hoàn toàn là sự-thực hiện-tại vậy. Canh bạc đương thua thời số tiền còn đó rất là quan-trọng đáng trông

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đó mà mừng, cũng càng nên trông đó mà lo. Nếu không cẩn thận mà khinh xuất chơi hoài, đến như số tiền còn đó kia lại dần dọi hao mòn, thời thật là một sự đáng lo buồn, cho cuộc vị-lai vậy. Cho nên nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta tôi mong rằng quốc dân ta nên để tâm đến hai chữ « cẩn-thận, » như canh bạc đương thua, không vội gì mong được, qúi hồ hãy giữ cho còn tiền. Tiền còn, tức là cái cơ được bạc hãy còn vậy.

Nay lại thử lấy như phần riêng của một người mà nghĩ, ông Gia-cát-Lượng ở Trung-quốc khi trước, chắc ai ai đã rõ, thông minh tài cán, đến như ông là có ít, mà sinh bình ông chỉ tự nhận có hai chữ về đức tính là « cẩn thận » Vậy thời hai chữ « cẩn-thận » há nên coi là một cái đức tính nhỏ mọn ru?

2. Quốc dân ta cần phải có cái tính cách cần cấp. — Cẩn-thận thời trì trọng, trì trọng thời đối với hai chữ « cần-cấp » gần như có sự ngang trái nhau. Nghĩ như thế mà thực không thế. Nay xin hãy nói về sự-lý quốc dân ta cần nên có tính-cách cần-cấp.

Nước An nam ta, kể gần thời trong cõi Á đông, kể xa thời khắp cả doanh hoàn thế-giới, nếu vua tướng khi xưa mà sớm biết lo liệu, thờ địa vị của Lạc-Hồng cố-quốc, đến nay tưởng đã như sao. Bởi vì chưng vua tướng An-nam, là vua tướng An-nam, cho nên sự khai-hóa An-nam mới toàn nhờ Đại-pháp. Kể từ ngày người nước Đại-pháp vượt trùng dương sang ta can thiệp, trước truyền giáo, sau thông hiếu, rồi bảo hộ, đã phí bao thời nhật công phu. Lại từ ngày người nước Đại-pháp thật nhận chức khai hóa ta đến nay, các công việc xửa sang ở bên ngoài còn ngổn ngang, thật thì giờ khai đạo đến tinh thần chưa có mấy. Cho nên « tiến hóa như trông thấy, văn minh đường con xa, » thật có như hai câu nói đó vậy. Cứ hiện trạng nước ta xem với các nước gọi là văn minh ở thế giới, mà vì như người cùng đi ở trên con đường tiến hóa, sự cách nhau có thể lấy trăm nghìn cây số mà đếm ru? Cách nhau đã xa lắc như vậy, mà người ta tiến bộ bằng ô tô, mình thời tiến bộ bằng cao-xu. Vậy thời cũng vẫn là có tiến, mà mong cho kịp chúng, chẳng là một sự khó lắm ru? Cái sự-tình tiến-hóa của quốc-dân An-nam ta ngày nay, thực có giống như thế, đúng như thế. Chúng ta đã biết rõ như thế thời phàm các công việc minh bạch, chính đáng, đối với chánh phủ Đại-pháp không có tội, đối với đồng bào An-nam ta không có tội, thời không kể cái việc ấy là lớn hay bé, nhất thiết chúng ta phải cần-cấp, không được lười chễ một chút nào. Trước hết, sĩ, nông, công, thương, các việc phải cần-cấp! Ngoài sĩ, nông, công, thương, như người kéo xe, kẻ khuân vác, thằng nhỏ gánh nước, con vú nấu cơm, nhất thiết phải cần cấp! Nói tóm lại thời toàn thể quốc-dân phàm sự phải cần cấp, để đối với cái thời-cục mà chúng ta đã quá chậm, thời họa may mới đủ thì giờ. Trong một ngày đêm của các dân-tộc đã văn minh, thường có 24 giờ đồng hồ; trong ngày đêm của chúng ta, chúng ta phải tính có 48 giờ vậy. Trong quốc-dân, ai là người hữu tâm, quan tâm với tiền-đồ của tổ-quốc, thời như cái quan-niệm cần cấp, càng nên kỹ kỹ tư lường. « *Đêm nằm không ngủ mong những sáng; vừng đông chưa ló, lại là dương. Việc đời như lửa, người như mộng; thương ai dạ ngọc với gan vàng* ». Bốn câu thơ trong bài thơ tứ dân, in ở Tứ-dân tạp chí số.., của một người dân lai cảo, thực có thể tả được ra cái ý thái tinh thần của những ai cần cấp ưu thời vậy. Vậy thời cái tính cách cần cấp mà quốc-dân ta hiện nay phải cần có, có trái gì với lẽ trì-trọng, cẩn thận, đã nói như trên ru?

Xưa nay, sự-thế trong thiên-hạ, hay dở còn thuộc về vị lai; mà sự-cơ chỉ cơ vi, họa phúc thường do ở hiện tại. Mong rằng quốc-dân An nam ta khéo lựa ở cái sự-cơ hiện tại, để lập thành cái sự thế vị lai, thời tiền-đồ của nước An-nam ta mới thực có cái hy-vọng bước rộng hay cao như lời tôi tưởng tượng ở trên vậy. Phàm các việc đời, không cứ lớn bé, định ở giời một nửa, do ở người một nửa.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Sĩ phu với thời-cục

— ◈ —

Không cứ đông tây, từ xưa, bao những cuộc đời biến dời thay đổi, xoay chuyển lên xuống, thịnh xuy tiêu tưởng, hiện tượng ra như sao, thường do ở một số người rất ít trong nhân-quần là hạng sĩ, phu làm nên như thế cả. Tư-tưởng, xu hướng của sĩ, biến thái vô thường, phần hợp bất nhất, cũng lại do thời-cục xui nên. Cho nên sĩ phu với thời cục, tuyệt là quan hệ với nhau. Người ta có câu: «*Anh-hùng làm nên thời-thế; thời-thế cũng làm nên anh-hùng.*» Ý nói chính giống như thế.

Phần chú-trọng về nội-dung của An-nam tạp-chí, là nói về tinh-thần tư-tưởng các dân-tộc Đông-Á. Ở trong cõi Đông-Á, ngoài nước ta chưa kể, thời có như các nước Nhật-bản Trung-hoa, là có giá-trị hơn. Trung-hoa lại là một nước văn-minh rất cổ, địa-vực rất lớn, có quan-hệ với ta từ trước đến nay rất nhiều. Vậy trước xin do lịch-sử của Trung-hoa, luận về sĩ phu với thời cục.

Trung-quốc nguyên từ xưa là một nước quân-chủ, đương đời Đào-đường, vua Nghiêu là một vị đại thánh nhân, đem cái bụng chí công chí nhân đối với khắp thiên-hạ thần dân sĩ thứ. Khi đó, cái quang cảnh thái-bình thịnh-trị, thật là từ đấy về sau không có hai. Thời cục như thế, cho nên tư-tưởng của sĩ phu trong lúc ấy, rất là bình hòa chính trực, duy khuynh hướng về đạo đức, ngoài ra không có cái quan-niệm gì. Các người làm quan ở triều-đình, như các ông Cao, Quí, Tắc, Tiết, thời ai nấy đều hết bổn-phận. Các người tiêu rao ở ngoài thế-cục, như các ông Hứa-Do, Sào Phủ, thời ai nấy tự tôn tự trọng, lấy đạo đức tự cao. Hết Đường sáng Ngu, là vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, cái thái-độ của thời-cục vẫn như thế, cái tư tưởng của sĩ phu cũng vẫn như thế.

Nay xem như ở sách Mạnh-tử, có nói về tâm-lý của vua Thuấn và ông Cao-Dao rằng:

« Đào-Ứng (học trò ông Mạnh) hỏi rằng:

Ông Thuấn làm vua, ông Cao-Dao làm quan sĩ (hình-quan, quan coi về hình-ngục), ông Cổ-Tẩu (bố vua Thuấn, người rất ương ác) giết người, thời ra làm sao?

Thầy Mạnh nói: — Chỉ có bắt đi thôi!

— Thế thời vua Thuấn không cấm như?

— Ông Thuấn cấm thế nào được! Người ta có phép của người ta chứ!

— Thế vua Thuấn làm thế nào?

— Vua Thuấn coi sự bỏ cái ngôi làm vua, cũng như là bỏ cái dép nát; cõng trộm bố mà đi chốn, lần theo bãi bể mà ở, xuốt đời vui như thường mà quên cả thiên-hạ. »

Sách Trang-tử, nói về tâm-lý của vua Nghiêu và ông Hứa-Do, rằng:

« Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho ông Hứa do, có lời rằng: — Mặt giời mặt giăng đã mọc, mà lửa đóm còn không tắt, thời nghĩ như cái giá-trị về sự sáng, chẳng cũng khó lắm ru? Trận mưa hòa thuận đã rào, mà việc tát tưới còn không thôi, thời nghĩ như cái khó nhọc về sự nhuần, chẳng cũng uổng lắm

ru ? Tiên-sinh đứng ở trên đời mà thiên-hạ trị an, mà tôi còn cứ vân chủ-trương, tôi tự nghĩ không ra làm sao, xin nộp lại thiên-hạ.

Hứa-Do nói : — Ông làm vua thiên-hạ, thiên-hạ cũng đã là trị-an ; mà tôi còn thay ông, thế ra tôi làm cái tiếng à ? Cái tiếng là khách của cái thực, thế ra tôi làm khách à ? chim tiêu liêu (1) kia làm tổ trong rừng rậm, chẳng qua ở có một cái cành ; con chuột ẻn (2) kia uống nước ở bến sông, chẳng qua đến đầy bụng. Thôi, mặc ông ! tôi đây có dùng thiên-hạ mà làm chi ! Người nấu bếp dẫu bỏ việc bếp không làm, kẻ coi việc ban thờ đâu có xa nơi ban thờ mà thay chi cái đó ! »

Xem như hai chỗ sách chép đó, thời sĩ phu trong đời ấy đại-khái có thể chia làm có hai phái : một phái như ông Hứa-Do đó, thấy việc đời đã có người gánh vác, tự mình chỉ tiêu dao ở ngoài thế-tục, vui về đạo-đức để toàn chân. Một phái như ông Cao-Dao đó, vì đời, vì thiên-hạ, mà nhận chức làm việc theo ông vua ; chớ không phải là vì ông vua mà làm quan với triều-đình, như các sĩ phu đời sau đem thân thế mà tận trung với một họ riêng vậy. Qua đời Đường-Nghiêu, Ngu-Thuấn. (3), xuống đến Hạ, bắt đầu là đời vua Đại-Võ, còn cái thái-độ như Đường-Ngu. Vua Võ mất, ông Khải lấy là con nối cha, từ đấy về sau mà tinh-thần tư-tưởng của sĩ phu có khác.

Còn nữa

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Đức Lê Thái-tổ

XEM VỚI CÁC VỊ ĐẾ VƯƠNG ANH-HÙNG Ở TRUNG-HOA

« Trừ phi chốn đất mầu ruộng mỡ, không mọc lên cây lúa to bông ; trừ phi nơi núi hiểm vực sâu, không sản giống long sà, sư, hổ ». Một nhà triết-học ở Thái-tây có câu nói như thế. Xưa kia tôi xem đến câu đó, mà hơi buồn vì nỗi nước nhà nhân tài có kém, chẳng vì lẽ giang sơn chật hẹp chăng ? Song nghĩ như đức Lê-thái-Tổ ta mà đem xem với các vị đế vương anh-hùng ở Trung Hoa, thời lịch sử Việt-nam mà có ngày có giá trị chăng, sẽ không thẹn cùng các dân-tộc văn-minh ở trong cõi Á-đông vậy.

Các đế vương ở lịch-sử Trung-hoa, trừ như ba vị Nghiêu, Thuấn, Võ, cùng là người xã-hội với nhau, mà người nọ truyền, người kia nối ; ung dung trong đạo đức lễ-nhượng, không dùng chi đến sự anh-hùng, như thế thời riêng đã không kể. Lại như những ông vua, dù văn hay, dù võ mạnh, tài đúc sự-nghiệp, chói-lọi ở sử-sách, sao không là đáng quí ? Song mà nguyên từ cái sự lên làm vua, hoặc là con nối cha, em nối anh, cháu nối chú, cái địa-vị đế vương đã cố nhiên thời nay cũng không kể. Đây chỉ là kể nói những ông vua *sáng nghiệp* hoặc *trung-hưng* bằng võ lực, đế vương do sự-nghiệp anh-hùng.

Sáng nghiệp là tự tay gây dựng nên cơ nghiệp ; *trung-hưng* là do cơ nghiệp của người trước đã đổ nát, mà đến tay lại nổi lên. Sáng nghiệp là nhất ; trung hưng thứ hai. Nay hãy trước luận những ông vua trung hưng mà riêng có tính cách.

Thường nghĩ như các ông vua trong lịch-sử Trung-hoa, cũng là anh-hùng mà có tính-cách riêng, đáng trọng, đáng quí, thời như vua Chiêu-Liệt nhà Hán là Lưu-Bị, vua Quang-Võ nhà Hán là Lưu-Tú. Hai ông vua đó, tuy gọi là có cơ nghiệp của người trước, song ma thực

(1) Thứ chim rất bé, tổ nó chỉ bằng cái trứng gà
(2) Thứ chuột hay uống nước ở sông
(3) Hai đời Đường Ngu, 118 năm. 2357-2204 trước kỷ-nguyên lịch tây.

cũng chỉ là nhờ có thanh thế, tự thân chỉ hai bàn tay trắng mà làm được cơ đồ. Tào-Tháo bảo Lưu-Bị rằng: « Trong thiên-hạ, mặt anh-hùng, duy chỉ có Sử-quân với Tháo. » Thật là câu nói tri-kỷ vậy. Ông Lưu-Bị là bực anh hùng, mà lại có tính-cách đạo-đức. Xem như giữ nghĩa với Lưu-Biểu, không nỡ nghe lời Gia-Cát lấy Kinh-châu; lúc gần chết mà dặn con là Lưu-Thiện rằng: « Ở đời duy chỉ có hiền đức có thể phục được người; bố mày đức bạc, con không đủ bắt chước. » Ngôn ngữ hành vi, thật là một nhà đạo-đức vậy. Ông Lưu-Tó cũng là anh hùng mà riêng có tính-cách phong-nhã. Xem như tiếp Mã-Viện khi mới đến, đãi sĩ phu rất là tự-nhiên. Trong bức thư gửi cho Sầm-Bành, sai đem quân đánh Thục, có nói rằng: « Người ta khổ không biết thế nào là đủ! Đã được Lũng, lại mong Thục. Mỗi một phen ra quân, đầu râu lại thêm trắng! » Nghĩ thật là một bực quân-tử phong nhã vậy.

Nói đến các ông vua sáng nghiệp ở trong sử Trung-quốc, thời như vua Cao-Tổ nhà Hán là Lưu-Bang, vua Thái-tổ nhà Minh là Chu-nguyên-Chương, đều là tự kẻ bình-dân, làm nên thiên-tử, sự-nghiệp anh-hùng thật có giá-trị vậy. Cứ như hai mặt anh-hùng ấy đem so sánh với nhau, thời quyền mưu trí trá, là Hán Cao-Tổ; nền nếp đứng-đắn, Chu-nguyên Chương có hơn. Song mà xem với đức Lê Thái-tổ nước Nam ta, thời như vua Lê ta mới thực là một vị đế vương anh-hùng tuyệt trần có giá trị. Núi Lam còn kia, sử xanh còn đó; đồng bào ai ngủ, thức dậy nghe câu truyện nước nhà:

Trong lịch-sử ta bốn nghìn năm, dưới Hùng-vương là thuỷ-tổ riêng hẳn một vị không dám kể; còn ngoài ra muốn tìm lấy một ai là người đệ nhất, ý tôi xin biểu là vua Lê. Vua Lê Thái-tổ, không những là một người đệ nhất trong lịch-sử nước Nam ta, mà xem với như ở lịch sử Tầu, cũng chưa hẳn đứng xuống thứ ba thứ bốn. Câu truyện về lịch-sử, xin phải trứng ở lịch-sử.

« Vua Lê Thái-Tổ, gia-thế lấy nghiệp nông mà làm nên hào phú, tu nhân tích đức, chôn hương ấp được nhờ; xem như trong nhà tôi tớ có đến nghìn, thời thật là cơ sở đế vương, không phải là hạng đánh bạc không có vốn, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán nguyên là một kẻ đình trưởng (1). Vua Thái tổ nhà Minh, lúc bé cô hàn, phải nương thân ở chùa). Xem như trong buổi tiềm-long, người Minh muốn dụ cho làm quan, Ngài khẳng khái than rằng: « Kẻ trượng-phu sinh ra ở đời, nên phải cứu vớt nạn lớn, làm nên công to, để tiếng thơm lại nghìn thu, sao chịu khó cho người ta sai khiến. » Đó rồi lẫn khuất rừng núi, gây dựng cơ-đồ. thời không phải là ngẫu-nhĩ mà làm nên, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán trong lúc làm đình-trưởng đi giải phu, dữa đường để chôn đi mất nhiều, tự liệu không khỏi tội, nhân thế mà làm giặc. Vua Thái-tổ nhà Minh, trong lúc cô hàn nương ở chùa, thấy binh hỏa bói xem nên ở hay nên chốn, không tốt cả. Đến vào thành, nương nhờ Quách-tử-Hưng, từ đấy mà rồi nổi.) Xem như từ họ Hồ đã mất, nhà Trần không nối, người Minh toàn chiếm bản-đồ, vua Lê một mình cùng bọn Lê-Thạch Lê Liễu định mưu, nổi quân ở Lam-sơn, chia đặt quan thuộc, truyền hịch xa gần, hẹn trừ giặc Minh, quả mười năm mà thiên-hạ đại định, thời thật là tay anh-hùng dựng thời-thế, không phải là nhân thời-thế mà làm nên anh hùng, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán, gặp buổi Tần loạn, có lũ Trần-Thắng, Ngô-Quảng, Hạng Lương, Hạng Tịch nổi trước; Vua Thái-tổ nhà Minh gặp buổi Nguyên loạn, có lũ Lưu phúc-Thông, Từ thọ-Huy, Trương-sĩ Thành nổi trước, thời

(1) Phép nhà Tần, mười làm đặt một cái điếm Đình-trưởng tức là anh cai điếm.

tức là nhân thời-thế mà làm nên anh-hùng.) Xem như trong khoảng mười năm giời chống nhau với người Minh, Vua chưa từng thân tự cầm quân, thời thật là phong-độ đế vương, không phải như các vua anh-hùng ở Trung-hoa tự xông pha ở nơi hàng-trận vậy. Xem như lúc vây thành Đông-quan, nghe quân viện của Minh sắp tới, các tướng tá nhiều người khuyên vua nên kíp đánh Đông-đô để trừ tuyệt nội-ứng. Vua độc quyết trước đánh phá quân viện, quân viện tuyệt thời thành phải hàng, mà rồi sự thể quả như thế, thời mưu đoán tự ở Vua phần nhiều, không phải như các đế vương anh-hùng ở Trung-hoa, kế hoạch thường do mưu-sĩ vậy. Xem như sau lúc Vương-Thông đã xin hàng các tướng sĩ Minh rút về nước, người nước ta oán người Minh tàn ngược, khuyên vua giết bỏ hết, Vua dụ về nghĩa không nên giết kẻ đã hàng. Không những vậy mà lại cấp thuyền, cấp ngựa, hậu đãi các hàng-tướng của Minh, cuống đều đến dinh Bồ-đề bái tạ, cảm ơn xấu hổ, đến rỏ rớt nước mắt. Lại như thiên-hạ đã định, Vua lên ngôi ở Đông-đô, chỉ tự xưng là **đại-vương**, ban xuống lời dụ rằng « Võ, Tăng, Văn, Võ, các vua ấy công đức như thế, mà chỉ xưng là *vương*. Phương chi ta đức mọn tài hèn, đâu dám nói đến hiệu Hoàng-đế. Như vậy, cái tính-cách đạo đức quân-tử, thực không kém hai ông vua Chiêu-Liệt Quang-Võ kia. Trước sau trong sử vua Lê, chỗ lụy đức là việc giết công-thần, cũng như cái tính-cách Hán-Cao Minh-Tổ, mà so với hai ông vua Trung-hưng nhà Hán, thật xem ra có vẻ thẹn thò vậy.

Do sự-thực ở sử mà thuật, lấy lẽ công chính mà luận bình, trỏ rõ từng chỗ kém chỗ hơn, thời vua Lê-Thái-Tổ ta xem với các đế vương anh-hùng ở Trung-hoa, thực ~~triển~~ đệ-nhất-đẳng địa-vị. Hiềm vì nỗi nước nhà nhỏ bé, xưa nay quen lệ cam là phiên-thuộc của nước Tầu, cho nên dẫu có tay tuyệt thế anh hùng, mà kể xem trong lịch-sử Á-đông, không được có quang-vinh là mấy. Bởi vậy mà

HÁN VĂN DIỄN GIẢNG
講演文漢

Sự học của nước ta ngày nay, nhờ ở chữ Pháp, mà chữ Hán cũng nên bảo tồn, nhẽ đó chắc nhiều người đã công nhận. Vậy thời mục *Hán-văn diễn giảng* đây chính là một phần việc cần thiết trong An-nam tạp-chí. Tôi có những ý nghĩ thuộc về phần việc này, xin biểu bạch như dưới:

Nguyên từ bao năm xưa, tôi vẫn lưu tâm về sự dịch các sách chữ Hán, như quyển *Đại-Học* và quyển *Kinh-Thi* thứ nhất của Tản-Đà-Thư-Cục đã in ra, tức là sự-thực vậy. Tiếc vì một cái công việc trọng đại ấy, công dịch đã khó mà tự xuất bản được lại không dễ, cho nên chỉ mới làm được có như thế mà thôi. Trong khi Tản-Đà Thư-cục còn khai thiết ở phố hàng Bông, tôi lại có lập ra việc *Hán-văn-hàm-thụ* (Giảng chữ Hán theo cách gửi phong-thư), để đối với những ai có lòng cao nhã muốn học biết chữ Hán. Công việc tuy bé mà cũng là khó khăn, cho nên rồi cũng lại không có sức mà theo được. Nay An-nam Tạp-chí lại ra đời, tôi nghĩ nhờ trong Tạp-chí mà làm việc Hán-văn thực là tiện lợi. *Hán-văn diễn giảng* hiện là một phần việc của An-nam Tạp-chí, mà sẽ là phần việc chính của Tản-Đà Thư-cục; một công hai việc, chẳng thực là tiện ru!

Lại nghĩ như trong các sách chữ Hán, phần trọng đại hãy kể là Tứ-thư Ngũ kinh, cứ như Tứ-thư, Ngũ kinh mà đem dịch hết ra quốc-văn theo như kiểu hai quyển Đại-học và Kinh-Thi đã in ra năm xưa, thời công việc quá là nặng-nề mà chưa hẳn có lợi-ích cần thiết cho sự học hiện thời của xã hội. Vậy nay, cứ trong các sách Tứ-thư Ngũ-kinh, hãy trích lấy

---

cái câu nói của nhà triết-học Thái-tây như đã thuật ở trên kia đó, một nửa mới thành ra chân-lý. Tiếc thay!

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

những thiên chương nào có nghĩa-lý bổ ích về sự *tu-thân*, đường *xử-thế* của học-giả, trước đem diễn giảng đăng tại Tạp-Chí, thời tức là việc Hán-văn hàm-thụ khi xưa, mà việc dịch sách sau này, lại nhờ đây rất có tiện ích.

Những nghĩa-lý trong kinh truyện, chưa dễ lấy học-thức của một hai người diễn giảng dịch thuật, mong cho thật đúng mà khỏi sự sai lầm. Nay đăng tại Tạp-chí để chất-chính với một phần công-chúng là những ai trong phái Hán-học, thời sau này thu-thập thành sách, tất sẽ được tường tận hơn là sự làm riêng. Như thế thời sự tiện lợi của mục *Hán-văn diễn giảng* đây lại không những một công hai việc mà thôi vậy.

Từ kỳ Tạp-Chí này kể là trước nhất, sau cứ mỗi kỳ, mục này thường có bài, đại-khái hết Luận-ngữ làm sang Mạnh-Tử, hết Tứ-Thư rồi đến Ngũ-kinh, gọn thời cứ mỗi chượng là một bài, đăng tải trong một kỳ; hoặc một chương hoi giài mà đăng tiếp làm hai ba kỳ; hoặc trích lấy một tiết trong một chương nào giài quá mà không thể diễn giảng cho hết. Ấy là việc Hán-văn diễn giảng hiện tại như vậy, còn đến như khi nào san định thành sách, sẽ có tự lệ tường minh. — Ngoài những bài lấy trong Tứ-thư Ngũ-kinh, hoặc có những kỳ nào diễn giảng về những bài khác, như các câu cổ-thi,.. thời truyên là việc Hán-văn diễn giảng vậy.

Nguyễn-Khắc-Hiếu
cẩn chí.

子	*Tử*	Thầy, đức Khổng
曰	*Viết*	Nói rằng :
弟子	*Đệ Tử*	Em Con
入	*Nhập*	Vào
則孝	*Tắc Hiếu*	Thời Hiếu
出	*Xuất*	Ra
則弟	*Tắc Đễ*	Thời Nhún nhường
謹而信	*Cẩn Nhi Tín*	Cẩn, cẩn thận Mà Tin
汎愛衆	*Phiếm Ái Chúng*	Rộng Yêu Mọi người
而親仁	*Nhi Thân Nhân*	Mà Thân cận, thân cận Người có nhân
行有餘力	*Hành Hữu Dư Lực*	Làm Có Thừa Sức
則以學文	*Tắc Dĩ Học Văn*	Thời lấy, để mà Học Văn, văn học

Âm — *Tử viết : « Đệ-tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ ; cẩn nhi tín ; phiếm ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.*

Nghĩa. — Đức Khổng dạy rằng : « Phàm là kẻ đệ-tử (học trò, làm em, làm con), vào trong nhà thời phải hiếu (thờ phụng bố mẹ) ; đi ra ngoài thời phải đễ (kính nhường người trên); phải cẩn thận mà tin thực ; rộng yêu mọi người mà thân cận với người có nhân. Như thế, làm theo có thừa sức, thời để theo sự văn-học.

Đây là một chương trong thiên Học-nhi là thiên thứ nhất ở trong bộ sách Luận-ngữ, chép lời nói của đức Khổng.

* * *

Phụ thuyết. Một bộ Luận-Ngữ, cốt là chép những lời nói, việc làm, cách tu thân, cách xử thế của đức Khổng dạy học-trò, để lại cho học-trò đời sau, ai muốn học thời do đấy. Vậy thời cứ ý tôi xem ra như một chương này chép lời nói của đức Khổng, thực nên để lên đầu bộ. Vì sao? Trong một chương này, mở đầu hai chữ « *Đệ tử* » đã đem chức phận người học trò, liệu liệu minh bạch. Rồi xuống đến câu « *nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ* », là dạy về đạo lý ở gia-đình; ba chữ « *cẩn nhi tín,* » là tu thân »; một câu « *phiếm ái chúng nhi thân nhân* », là đạo lý đối với xã-hội. Nghĩ như con người ta ở đời, tức nhiệp cao xa, thực chưa biết thế nào là cùng, song mà từ lúc còn là kẻ học-trò, làm em, làm con, hãy cứ theo mấy lời nói đó mà thực hành, có thể gọi là gần đã đủ tư cách. Về bên *đức* thời Ngài dạy như thế, có thực hành được đã, rồi mới nói đến bên *tài*. Cho nên hai câu sau: « *Hành hữu dư lực tắc dĩ học văn* » là ý nói như thế vậy. Một chữ « *văn* » nghĩa rất rộng, phàm những sự thuộc về bên tài, đều bị bao bọc ở trong cả, có lẽ không chỉ như lời chú cũ bảo là « thi, thư lục nghệ » mà thôi. Cách lập thân của người nam-nhi, do một chương sách này mà tiến tu, tưởng đủ có vô cùng sự nghiệp vậy. Cho nên tôi nghĩ nên để lên đầu bộ Luận-Ngữ.

Nguyễn-khắc-Hiếu

CÂU NÓI THẬT

Số nhà 1 Francis Garnier. Hanoi, trông xuống trung-tâm các con đường xe điện, cũng tức là trung tâm điểm của các phố người An-nam.

Thi đàn giảng tập
詩壇講習

Từ ngày quốc-văn thịnh đạt, không cứ nam-giới nữ-giới, có nhiều người có thú hướng về sự làm văn thơ. Nghĩ như sự văn thơ mà không có giảng tập thời sao biết câu hay câu dở, chữ kém, chữ hơn, mà mong được tiến đạt. Khi xưa tôi cũng có làm việc *Quốc-văn hàm-thụ*, cũng là do ý ấy; khi đó cũng được có ít nhiều người theo. Sau vì Hán-văn-hàm-thụ đã bỏ thời Quốc-văn-hàm thụ cũng thôi; *Thi đàn-giảng-tập* đây, lại tức là việc cũ năm xưa, mà tới nay biến tướng vậy. Xin tường các sự-thể:

Phàm các thơ văn gửi lại cho tòa Báo, bài nào đăng tải thời đặt theo Vận uyển đó đã là lệ thường.

Riêng những ai đối với mục *Thi-đàn giảng-tập* này có ý nguyện muốn theo chơi, thời xin viết thư riêng cho tôi được biết rõ. Trong cái thư riêng ấy nên để rõ tên họ và chỗ ở, cho được hợp sự nghi, còn như thơ đăng lên trong mục này để diễn giảng, thời tùy người có bài muốn ký tên hiệu như sao mặc ý.

Các văn-thơ gửi theo việc *Thi đàn giảng-tập*, nhận từ thơ bốn câu cho đến văn tứ lục, tức là phàm các lối văn vần. Những bài nào nói quá về bên tình, hoặc có phạm tới chánh-trị, hoặc có ý hiềm thù riêng gì ai, thời không nhận diễn giảng. Các thơ văn đã đăng trong An-nam Tạp chí từ xưa đến nay, không cứ là của ai, cũng không cứ là ai trong xã-hội, đều có thể trích lấy ít nhiều câu, tự ý luận-giảng, sẽ đăng cả lên mục này. Lời luận giảng quí được thanh-nhã mà sác đáng; nếu không sác đáng, hoặc không thanh-nhã, thời không nhận đăng tải, cũng như văn lai-cảo không đăng.

Sự luận giảng vi dụ như sau :

Trong bài thơ vịnh Kiều về hồi Từ-Hải chết (*Khối tình con*), hai câu ngũ lục :

Tổng-đốc có thương người bạc phận,
Tiền đường chưa chắc mả hồng nhan.

Có người bình-luận và ý muốn chữa lại mấy chữ, cho rằng : Hai chữ « *Tổng-đốc* » đặt như thế, sống-sượng quá, nên đổi làm hai chữ « *cụ lớn* », mà hai chữ « *Tiền-Đường* » ở câu dưới thời đổi là « *sông Tiền.* »

Ý tôi nghĩ rằng : Nguyên bài thơ ấy, chủ ý thực nghiêm nghị; hai chữ « *cụ lớn* » thời hơi thiệp hài-hước mà có kém vẻ nghiêm. Câu dưới, hai chữ « Sông Tiền » thời hay, nhưng hai bên đối nhau, một bên là tiếng tên chung, một bên là tiếng tên riêng, không được trỉnh lắm. Nguyên hai chữ « *Tổng-đốc* », thời nghe ra thật sống sượng; mà đối với hai chữ « Tiền-Đường » cũng không cân trỉnh như thế, tóm lại đều chưa ổn-thỏa cả.

Trong khi tôi ở Saigon, có nhiều thì giờ nhàn rỗi, thường hay nghĩ đến thơ văn khi trước, câu nào được, câu nào chưa yên. Như hai câu thơ này, tôi nghĩ đổi hai chữ « *Tổng-đốc* » làm « *Tốn-Hiến* », thời không sống-sượng, cũng không hài-hước, mà đối với hai chữ « *Tiền-Đường* » ở câu dưới, thực cân. Như thế cho là nhất định được.

* * *

Trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*, (Khối-tình con từ lúc chưa in ra,) hai câu tam tứ, nguyên văn là :

Cung Quảng đã ai ngồi đó chửa ?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.

Một hôm tôi đi chơi nhà người bạn, thấy có bản chép hai chữ « *cung Quảng* » là « *cung quế* », hỏi ra không biết là ai chữa, đấy cũng là bản đi chép nhờ. Chữ « *quế* » xem với chữ « *Quảng* », thật hơn : vừa là tiếng tên riêng, vừa là tên cây, đối với chữ « *Đa* » ở câu dưới, thật cân trỉnh.

* * *

Bài hát điệu xẩm, « *Cô tây đen* », nguyên ở Khối-tình-con in ra lần thứ nhất, mấy câu ở cuối rằng:

Chị em ơi, ba bẩy đường chồng;
Son tô phấn điểm hương lồng cho nó ngoan.
Thà rằng lấy chú sầm soan.

Sau nghe có người bình luận rằng: Nên bỏ bớt đi hai câu dưới, chỉ lấy câu « *Chị em ơi, ba bẩy đường chồng* » làm câu hết, như thế thời hơn.

Theo lời bình luận ấy nghĩ ra, chữa như thế thật hay! «Một câu «*Son tô phấn điểm..*» ý nguyên-tắc chỉ là lấy thêm mầu ngũ sắc, song tham quá mà thành ra rườm. Câu kết: «Thà rằng... », vừa thiên tư, vừa kém vẻ thanh nhã. Nay cắt bỏ hẳn hai câu cuối đi, lấy đến câu : « *Chị em ơi, ba bẩy đường chồng* » làm câu kết ; như thế thời vừa đỡ rườm, đỡ tục, mà có dư-vị rất hay. Thêm mấy cái giấu chấm (...) ở sau, thời lại càng tỏ dư-vị lắm. Quyển Khối-tình-con in ra lần thứ hai, tôi đã xửa như thế, mà hiện nay trong ca-trường phần nhiều vẫn hát theo như cũ, lại ở trong bài hát kèn nói cũng như nguyên-văn khi xưa. Nghĩ đáng tiếc cho sự bình luận của ai đó, mình không được sớm biết đến tai, mà cũng càng thấy rằng việc thi-đàn-giảng tập đây rất là có ích cho trong việc văn thơ vậy.

* * *

Khoảng đầu xuân năm canh-ngọ đây, tôi có tiếp một phong-thư gửi về Hải-phòng, trong thư đại-khái nói cảm-tình về văn-chương, có nhiều bài thơ nhờ chữa, ngẫm ra như nhời nhẽ của một người con gái. Nay trích mấy câu « *Vịnh cảnh xuân,* » bắt đầu sự giảng tập.

Điểm điểm mưa xuân liễu rước mày,
Má đào tươi thắm, gió qua lay.

Miệng hồng hé nở, tình man-mác,
Chào đón xuân về cái sẻ bay.

Lời thơ đây, Tác giả mượn cảnh xuân mà tự vịnh. Câu thứ nhất bẩy chữ, lời và ý được cả, cảnh vẫn là cảnh mà trong cảnh có người, thật là thơ vĩnh xuân của một người con gái ! Câu thứ hai, hai chữ « *má đào* » rất là có bệnh ở trong sự làm thơ. Phàm thơ vịnh, không cứ tả tình tả cảnh, muốn ngụ ý riêng như thế nào mặc lòng, trước hết phải trông lên đầu bài, lấy đầu bài làm chủ. Câu văn chiếu

v ới đầu bài có hợp nghĩa, rồi mới nhận ra nghĩa ngoài nữa, thời chỉ là phần phụ mà t i ôi. Nếu trọng coi về ý ngụ mà làm, thời cái bệnh thành ra đến vô nghĩa. Như câu thơ đây, nguyên là tả cây đào để vịnh xuân, phần tự vịnh chỉ là ý ngụ, như thế thời phải. Hai chữ «*má đào*» thành ra cướp hẳn cái nghĩa lấy về phần tả người, vì chữ «*má*» không thể nhân về nghĩa nói cây đào được. Câu này, tôi có muốn chữa là «*Đào tươi thắm mặt, gió qua lay*», so g nghĩ cũng sưa được, vì như thế thời gỡ được chữ «*Đào*» ra nghĩa cây, mà chữ «*mặt*» theo với chữ «*đào*» vẫn là gượng. Lại nghĩ muốn đổi là «*đào tươi thắm vẻ*», như chế thời đúng nghĩa đầu bà , mà về phần nghĩa ngụ có kém. Lại ba chữ «*gió qua tay*, đặt không thấy bay nhời. Như câu này thời nhời và nghĩa kém cả. — Câu thứ ba, «*Miệng hồng hé nở*» mà xuống «*tình man mác*» thời rất là không thông. Hai chữ *man-mác* » đặt với bốn chữ trên ngẫm ra thật không có nghĩa. Như câu này muốn để ba chữ dưới «*tình man-mác*» thời bốn chữ trên nên đặt là «*chân giời cỏ biếc,*» như thế thời cũng là tả cảnh xuân, mà trong câu thuận nghĩa hơn, lại có chữ sẵn «xuân thảo bích sách». Hoặc tác-giả buồn vì mất cái ý tự ngụ, thời cứ để những chữ trên mà hai chữ «*man mác*» nên đổi là «*e-ấp*». Vậy thời được cả ý chính và ý phụ, hai chữ «*e-ấp*» lại thêm mầu cho hai chữ «*hé nở*», mà chữ «*tình*» đứng dữa càng thấy hay. Tiếc vì hai chữ «*miệng hồng*», ngẫm ra chưa được tự nhiên vậy. — Câu thứ tư, chữ «*sẻ*» nên đổi làm chữ «*én,*» vừa đúng cảnh xuân mà có nhời thơ hơn.

Thi-đàn giảng tập, sự thể như vậy. Ai có vui lòng gửi bài về, không biết; song tôi riêng mong rằng các thi-nhân tài-nữ trong xã-hội, ai có trích những câu nào trong bài nào của tôi từ trước đến nay, xửa đổi và luận giảng mà gửi cho, thực lấy làm hân hạnh cảm tạ lắm lắm.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

VIỆT-NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ
XÃ-HỘI THIỀN-ĐÀM

Bản-chí khai thiết ra mục này, để hoan-nghinh các bài lai-cảo của đại-đa-số quốc-dân trong ba kỳ, không cứ người có nhiều văn-học hay kém sự học-vấn, người tai mặt ở thành-thị hay là ông lão thôn-quê, phàm những điều mắt thấy tai nghe trong khoảng ba mươi năm nay, (là kể từ năm 1901 đến nay) không kể điều hay nhẽ dở, sự nhỏ việc to trong xả-hội, xin nhất thiết viết gửi về cho Bản-chí, Bản-chí rất vui lòng đăng tải, để người ở nơi nọ được biết sự-tình ở nơi kia, kẻ sinh thửa sau được nghe câu truyện về thửa trước. Đó là có ích cho sự giao dịch kiến văn ấy. Lại nhẽ như công việc của Bản-chí, không những chỉ là đối với quốc-dân ta trong nhất thì, mà thực có chức trách đối với quốc-dân ta đến hậu thế. Vậy thời những bài lai-cảo của những ai sẽ gửi cho Bản-chí về mục Thiền-đàm này đó, sẽ giúp làm tài-liệu để làm sử-sách cho ai đó những người hậu-lai. Nghĩ thật càng đáng quí vậy.

Hai chữ «**Thiền-đàm**», Bản-chí đã bầy tỏ hết ý nghĩa: chỉ là câu nói truyện nông nổi, không cần dùng ý tứ sấu xa gì; sự viết-bài cũng chỉ cứ theo những điều trông

thấy, nghe thấy, mà viết ra cho rõ nghĩa xuôi câu, quí hồ đắc thực là hơn, không cần có lời lẽ văn-chương chi hết. Nay trước đăng ví dụ như những lời thiển đàm của Bản chí chủ-sự, để chư quí độc-giả ai ai cùng hay.

* * *

Ở thành-phố Hanoi, có một cái quang-cảnh : Thứ nhất về khoảng mùa rét, trời mưa, chừng ba bốn giờ sáng, giờ đêm tối, có những người ăn mặc rất lam lũ, tay sách một ngọn đèn con lù-mù, đi đến cửa các nhà, đập cửa để gọi, gọi cho mở cửa để vào đổ thay cái thùng hôi ở dãy sau. Sự đập cửa đó có khi đứng đến rất lâu mà người ở trong nhà không dạy, thời cứ phải đứng đấy mà gọi, gọi mãi cho đến được có người trong nhà ra mở cửa mới thôi. Câu truyện đó, chắc các người ở nơi thôn-quê, chưa từng về chơi đến Hanoi, thời có lẽ không biết.

* * *

Hồi tôi qua chơi Huế, ở trong nhà một người anh em bạn trông ra đường, thấy có người con gái mặc áo lụa anh cồ và tay có đeo kiềng vàng, mà gánh một cái gánh, hai bên hai cái rổ rá, đựng ở trong chỉ là mấy buồng chuối và những vật như quả rưa quả bí mà thôi ; trông rất là thanh nhã, mà như ở ngoài Bắc thời cái quang-cảnh ấy cũng không có.

Ở Saigon, có hôm tôi đi chơi đêm với các người anh em bạn, thấy hai người đàn ông đàn bà dải chiếu ngủ với nhau ở trên bờ đường. Một bên ở dưới đường thời để cái xe kéo, một bên trên bờ đường thời có một cái gánh không rõ là gánh rau gánh quả đó chi. Tôi hỏi những người bạn thời nghe nói truyện rằng : đó là hai vợ chồng người ta, người chồng làm xe kéo, người vợ bán hàng rong, tối thời ngủ như thế là thường. Như thế thời Hanoi cũng không có cái quang cảnh ấy.

Hồi xưa, An nam Tạp-chí tạm đình bản, tôi đi chơi vào Nam, qua Nha-trang, cùng một người bạn đi chơi ra cửa Chuột (chỗ cửa bể, có sở làm nước mắm theo cách mới), chúng tôi đi xe kéo mà gặp một cái xe ô-tô ở cửa Chuột đi về, ở trong ngồi một người An-nam. Cái xe ô-tô ấy đã đi qua, rồi dọc đường nghe người bạn tôi nói truyện về cái xe ô-tô ấy rằng :

Nguyên cái xe ô-tô ấy, của một sở buôn dùng đã hư-hỏng, bán rẻ lại cho một người bồi xe, giá năm trăm đồng bạc. Người ấy đem về chữa lại dùng được, bán cho ông chủ xe (tức là người hiện ngồi trong xe), giá tám trăm đồng. Ông chủ xe dùng đã một hai năm, rồi đến lúc nó lại hư, đem đánh số lấy tám trăm đồng, mỗi số 25$00. Một người Lý-trưởng trúng số được. Ông chủ xe gọi ông Lý-trưởng mà bảo rằng : « Anh cũng không cần dùng gì đến xe ô-tô, thôi anh có hai mươi lăm đồng, nay tôi cho anh một trăm, rồi để xe đấy cho tôi, tôi có chữa lại mới đi được » Ông Lý-trưởng xin bằng lòng. Sau ông chủ xe lại đem chữa, cái xe lại đi được, tức là cái xe đấy. Tiền mua xe tức thì ông chủ ấy vay của một người đàn bà hóa đến nay vẫn chưa giả. Thế là truyện cái xe ô tô ! Ngoài Bắc trong Nam, người chơi ô-tô cũng nhiều, mà câu truyện như thế có lẽ cũng ít thấy.

* * *

Tỉnh Hòa-bình (hạt Thượng du, trên Sơn-tây, Bắc-kỳ), mỗi tháng ba phiên chợ, vào ngày ai An nam chợ họp rất là đông vui, những dân Mường Thổ, Mán rất đông đúc. Người dẫn xuôi lên buôn những gà vịt, cau, nấm, để tải về Hanoi rất nhiều, vì tiện con đường thủy, (tức là sông Đà-giang,) cho nên sự buôn bán tiện lợi. Chợ họp vào ngày hai, thời các người dưới xuôi lên (cũng do đường thủy,) cùng những người mường ra, đều tới cả ngày mười, ngày một. Đêm hôm ngày một, họp la-liệt ở chợ, người mua kẻ bán đã tấp-nập rất đông. Những người mường đem hàng ra bán, thường

VIỆT-NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ

XÃ HỘI BA ĐÀO KÝ

Mục này, Bản-chí khai-thiết ra, đại-ý cũng như mục Thiên-đàm ở trên, cũng là để hoan nghênh các bài lai-cảo của đại-đa-số quốc-dân trong ba kỳ, cứ những điều mắt thấy tai nghe, trong khoảng 30 năm nay, viết gửi về cho Bản-chí, Bản-chí rất vui lòng đăng tải, để trước là giao-dịch kiến-văn, mà sau thời để tài liệu cho người sau làm sử. Sự viết bài, hoặc ký-sự, hoặc thêm đàm-luận, hoặc theo thể tiểu-thuyết, mặc ý. Cũng quí hồ đắc thức, không cần lời lẽ văn chương, duy tính-chất thời thuộc về ba đào, xem với mục trên có hơi khác.

« Ba-đào » hai chữ cùng là sóng, tỏ ý biến động bất thường, xưa thế nọ mà nay thế kia, nay thế này mà mai ra thế khác. Một người riêng có cảnh huống ba-đào của một riêng người riêng, một xã-hội có cảnh-huống ba-đào của một xã-hội, thành-quách giang-sơn có cảnh huống ba-đào của thành-quách giang-sơn ; tóm lại cùng là cái cảnh ba-đào của xã-hội vậy. Nay hãy đăng ví dụ những bài của Tân-chí chủ-sự như sau, để các bạn độc-giả cùng rõ

An-nam-tạp-chí.

đi có trong bọn, mai ba người, hoặc bốn năm người, đêm giải chiếu nằm cả ở chợ, chỗ nào cũng có bàn đèn ăn thuốc phiện. « *Mỗi tháng chợ phiên ba buổi họp, ngọn đèn nha phiến đốt linh-tinh* », tức là cái quang ảnh ấy. Những người đàn bà mường, lại uống rượu rất dữ, nhiều người say rượu nằm lăn-lóc ở chợ, thổ mửa rất gớm ghê. Cái quang-cảnh xằm-uất vui vầy và những tay tửu-đồ trong nữ-lưu như kia, tưởng các nơi cũng ít thấy vậy.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Ba đào! ba-đào! Ai ba đào? chưa biết ai ba-đào như đâu, hay thử đem câu truyện tự mình, viết một đoạn đoản-thiên tiểu-thuyết.

Tôi từ khi nghỉ việc An-nam tạp-chí hồi xưa, vào nam ra bắc, các cảnh huống như sao, đã tường ở trong quyển Giấc-mộng-lớn. Lại như lúc bỏ đất Vĩnh-yên đứng dạy, cửa nhà tan nát, cái công phu phí tổn hơn hai nghìn đồng bạc, bán được bốn chục đồng. Trừ những sự chi phối quanh-co, còn vừa đủ tiền tầu cho một tên người nhà thân đưa gia-quyến đi trước về Hà-nội, tạm ký chủ ở ngoại-gia. Mình thời còn phải lưu lại ở Vĩnh-yên, đợi tên người nhà xuôi Hà-nội lại lên, rồi cùng đi về ga Gia-lâm, để thẳng xuống Hải-phòng cho tiện. Trước khi chạy xuống Hải-phòng đó, thực cũng chưa định rõ sẽ nương thân vào đâu, chỉ là ở Vĩnh-yên không yên thời phải đi, đi mà cũng không biết đi đâu, thời chạy quấy về nơi Hải-cảng vậy.

Xuống đến Hải-phòng, truyến tầu tối, nghỉ ở nhà người anh em về bên ngoại. Hôm sau giời mưa nghỉ lại một hôm nữa. Hôm sau nữa, đi tìm một người bạn có cái ấp ở gần tỉnh, tức là ấp Đồng-sành ở dưới cầu huyện Rào. Câu truyện nói qua trong nửa giờ, rồi quay xe ra lại về tỉnh. Hôm sau nữa cho kẻ người nhà lên Hà-nội, đón thê nhi cùng về nơi Hải-cảng, còn để bớt lại một đứa con gái bé là ở nhờ nhạc-gia. Xuống Hải-Phòng, lại để bớt lại một đứa con giai nữa ở nhà người anh em, cũng là anh em về bên ngoại.

Trong khi tên người nhà còn lên Hà-nội đón gia-quyến, mình về trước ở ấp Đồng-sành, có lẽ bắt đầu là ngày mồng mười tháng mười ta, năm Kỷ-tỵ. Đợi gia-

quyển về nữa, là một có một vợ và hai đứa con nhỏ, và một tên người nhà thân. Chủ-nhân sai dọn cho hai gian nhà bếp nước nấu riêng, gạo sẵn có ở ấp, tiền chi dụng mỗi tháng lượng cấp hai chục đồng, hoặc có đi đâu cần tiền xe thời lấy về phí ngoại Các sự ăn ở đã tạm yên, mới tính đến công việc in sách. Người bạn tôi lại giúp cho một số tiền để in ra quyển Giấc-mộng lớn. Có quyển Giấc-mộng-lớn, rồi mới lên Hà-nội thương thuyết với ông chủ nhà in Đông kinh để tạm lĩnh ra các sách Tam-tự-Kinh Nhân-tưởng đã in song từ trước mà còn để cả trong nhà in. Các sách Tam-tự Kinh, Nhân-tưởng tiếp tục đem về Hải-phòng để in nhan bìa, hợp với quyển Giấc-mộng-lớn in ra, mà Tân Đà thư-cục lại thành lập. Kể từ khi ở Vĩnh-yên đứng dạy là khoảng cuối tháng chín an-nam, Tản-đà thư-cục lại thành lập ở Hải phòng là về cuối tháng chạp ; sự thu-thập không phải là không nhanh vậy. Duy tưởng lại trong khi ở Hải-phòng đi lại Hà-nội để thu xếp công việc Thư-cục ngoài tiền xe không kể, từ cái quần áo trắng, cho đến như cái áo di-lê,... nhất thiết trông nhờ ở người bạn ; lại sau lúc mấy quyển sách mới của Tản-Đà-thư-cục đã xuất hiện, các báo trương bình luận, có nhiều câu chê riễu dèm chê ; lại trong thời vợ con sầu vì nỗi phiêu-lưu ; lại ngoài thời công nợ khẩn đưa tin đòi hỏi ; còn những ý-tứ gì ác-cảm ở đâu nữa không biết, song cứ bấy nhiên cái cuồng sóng, dỏn-dã. Nay An nam tạp-chí lại ra đời, cái thân phù-thế lem ra mà giả nợ phù-sinh ; *thuyền nan còn lắm rạp-rình, thử xem đưa gánh tài tình đến đâu.*

* * *

Từ ngày M. Bazin, bị ám sát, việc Quốc-dân bí-mật-đảng phát xuất ; tiếp đến việc bão ở các tỉnh Thái-bình, Kiến-an, Nam-định, « *Của đã sạch sanh nhà, cửa» ruộng ; người còn tan-tác bắc, tây, đông;* lại tiếp phát ra những việc biến động ở Yên-bái, Lâm-thao, Vĩnh-bảo, Phụ-giực,,.. đó là nói về Bắc-kỳ. Ở Nam-kỳ thời việc hội kín Nguyễn-An-Ninh.. Ở Trung-kỳ thời lụt Thanh-hóa. Như thế là những tấn đại ba-đào trong xã-hội, cuồn cuộn ở trước mắt mọi người, thực chẳng ai là không biết. Lại còn như những sự rất nhỏ con, không dữ dội, hoặc thuộc phần đông công chúng, hoặc thuộc sự riêng một người, mà xét ra thực thấy cái cảnh ba-đào của xã-hội. Nay tôi xin lại nói truyện, để những ai trong cuộc ba-đào cùng nghe.

Nhớ từ năm đã lâu, có lẽ đến hơn mười lăm năm nay, tôi có viết chơi một bài hài-đàm nói về *hai ông đồ*, là ông đồ chữ tây và ông đồ chữ nho cùng cãi nhau, Ông đồ chữ tây bảo ông đồ chữ nho rằng : « *chữ nho, bây giờ xuy học nữa thời làm chi* ! » Ông đồ chữ nho bảo ông đồ chữ tây rằng : « *chữ tây đúng thời-thế, nhưng nhiều quá thời ế.* » Đến nay xem ra, hai câu đó đều đúng sự-thực :

Có một khi cách nay đã lâu, tôi về chơi phủ Yên-Khánh (thuộc tỉnh Ninh-bình), nhân nói truyện đi xe từ tỉnh về, bị nắng quá ; rồi nghe quan phủ nói truyện con đường từ Ninh-bình về Yên-khánh, xưa nay khổ về sự đi xe nắng, có một câu truyện rằng : « Một buổi đương trưa, có một cái xe kéo đi ở con đường ấy, người ngồi trên xe đó là một ông đồ nho. Vì giời nắng quá cho nên người kéo xe không đi được nhanh ; người kéo xe không đi nhanh thời người ngồi trên xe cũng lại khổ vì nắng. Ông đồ nho ngồi trên xe cằn-nhằn gắt gỏng mãi với người kéo. Người kéo cũng gắt, rồi bỏ xe đấy không kéo nữa, chạy vào chỗ gốc cây, ngồi. Ông đồ ngồi trên xe cũng phải bỏ xe nhảy xuống mà chạy theo vào gốc cây. rồi hai người cùng gắt lộn nhau.

Người kéo xe bảo rằng : « Ông tưởng tôi nguyên vẫn làm nghề kéo xe này hay sao ?! Tôi cũng đã đi thi đã vào tam trường rồi, chẳng may không ra gì thời mới phải làm như thế này mà thôi ; chứ ai kéo mãi từ bao giờ mà bảo chạy khoẻ được ! » Ông đồ kia lấy làm kinh ngạc, phải đổi sắc mặt, dịu nhời nói, thung dung hỏi thử về những sự học hanh thi cử. Ông đồ kéo xe lai đáp truyện lại, rất là học rộng và thông-thái, còn nhớ rõ cả những khoa thi năm ấy năm khác những đầu bài kinh-nghĩa và thơ phú như..... »

Gần nay, trong xã-hội ta có một sự đáng lo hơn hết, không phải là những việc biến động đối với cuộc chính-trị, cũng không phải là những việc bão lụt xảy sinh ra là việc thiên-tai, chỉ là cái cảnh-huống ba-đào của nhà nho đã gần qua, cái cảnh-huống ba-đào của những người trong Pháp học lại gần tới. Hiện nay cái số học-trò thi tốt-nghiệp phổ-thông, những người có đỗ thời kiếm được việc làm không khó lắm, còn như những người thi không đỗ thời không biết tính nghĩ ra làm sao. Kiếm việc làm để lấy lương thời không có tiền, không có thầy, không thể kiếm được ; về nhà thời không làm được những việc quê ; lại quen sự ăn mặc quần hồ áo cánh, không lủi thủi như học trò nho khi xưa, thời lại càng nhiều chỗ khó nghĩ. Hiện nay trong xã-hội ta, số người học-trò như thế tưởng đã nhiều lắm, mà sự-thế mỗi ngày còn mỗi nhiều, thời không biết sau này cái cảnh huống ba-đào ấy lại hiện ra như những thế nào vậy. Các người học-trò về bên con giai đã vậy ; lại các người về bên con gái, thực lại càng là đáng lo thay ! Tôi có nghe một người anh em bạn, có trường dạy học tư, nói truyện với tôi rằng : « có một cô giáo mất việc làm mà một mình phải nuôi một mẹ già và mấy người em bé, có đến trường xin việc, bầy tỏ nông-nỗi, chỉ mong kiếm được một việc làm mỗi tháng chỉ độ mươi đồng cũng tạm đủ qua ngày, mà ở trong trường đấy không có việc gì giúp được. » Nghe câu truyện đó, thực đáng là ngậm-ngùi ! Một người có cái cảnh-huống như thế, thời chắc không những chỉ một người ấy có cái cảnh-huống như thế. Bên nam-giới ba-đào chưa xiết kể ; lại ba-đào đến cả nữ giới ru ?

. . .

Cách Huế 15 ki-lô-mét, có phong cảnh Thuận-An, tức gọi là cửa bể Thuận. Chỗ đó, nếu bà già con trẻ đến chơi, có nhẽ không lấy gì làm thú hứng, mà cái giá-trị đối với người du-lãm còn kém xa ở xứ Bắc chùa Hương. Tuy vậy mà những người con giai hơi có chút học vấn thời cũng nên biết qua, vì là một nơi thắng-cảnh có ở lịch-sự vậy. (Lược) Hơn 7 giờ sáng ở Huế đi, khoảng 11 giờ đến cửa Thuận, ấy là ngày 18 tháng ba (19 Avril 1927) Đến đó, xuống đò đi ra, vì Thuận-an cũng là nơi cù-lao có xóm mạc. Lên hỏi thăm trong xóm, đi tới một chỗ có tường bao đã tàn huỷ, quanh mãi về mặt trước là mặt trông ra bể, thấy cổng xây lối cổ, dữa đề to hai chữ 南門 Nam-Môn ; hai bên dưới có câu đối rằng :

臨巨浸以弘量
Lâm cự tẩm dĩ hoằng lượng
柔遠方而養民
Nhu viễn phương nhi dưỡng dân.

Bên hữu câu trên, về phía trên, có hai chữ 御製 (Ngự chế).

Bên tả câu dưới, về phía dưới, có một giòng chữ 嗣德三十一年四月十四日 (Tự-Đức tam thập nhất niên, tứ nguyệt, thập tứ nhật). Đó là những chữ đề về phần chữ nho. Lại trông lên trên hai chữ Nam-Môn, cũng khoảng chính dữa, thời có một cái biển gỗ, sắc đen, trông cũng đã hơi cũ, có chữ tây đề rằng : *Service Forestier*. Bồi hồi chút lâu, rồi nghé vào trong cổng thấy có người, nhân vào xin nước uống. Có một người ăn mặc linh

ra tiếp, thời là lính kiểm-lâm, mà tức là người trông giữ cái khu ó Trong lúc cùng ngồi chơi uống nước, trông lên có một tòa nhà to, nghe người lính ấy nói truyện, thời chỗ đó nguyên xưa là bảnh-cung của đức Tự-Đức, đến sau là sở Quan binh của nhà nước Bảo hộ, đến sau nữa là tòa Điện-Báo, sau nữa là nơi thừa-lương của quan Công-sứ Thừa-Thiên, hiện nay thời là sở Kiểm-lâm của mấy ông tây Kiểm-Lâm hằng khi có đi lại. Uống nước song, ra xem nhà bia, phải khuân bỏ các nong nia của nhà người lính để trong đó, rồi xem thấy bia của đức Giực-Tôn, thơ Ngự chế vịnh Thuận-An tám mươi vần. Đức Giực-Tôn là ông vua hi u văn, cho nên hay làm thơ; đến nay tuy thời đại biến thiên, nơi hành-cung là sở Kiểm-Lâm, nhưng bia thơ Ngự chế vẫn còn vậy.

Xem bia song, từ tạ người lính Kiểm-Lâm, rồi cùng nhau (tôi đi có một người bạn đồng-hành) đi ra, nhân hỏi thăm phong-cảnh, người lính trỏ đường đi lên đài. Đài là chỗ của Nam triều đóng quân để giữ cửa Thuận-An khi trước. Đi một lát, gặp mấy ông cụ già trong xóm. lại hỏi thăm nữa, nhân cùng đứng cả lại nói truyện. Gần chỗ đứng nói truyện. có một cái mô con xây bằng gạch, trông đã hủy hoại; mấy ông cụ trỏ và nói rằng: « Đó là cái lò của các quan Tây khi mới đến Thuận-An, đắp để. hầm bánh. » Câu truyện cũng còn muốn nghe nữa, song giờ đã trưa quá, vội sự đi ra ngoài.

Cổng đài thật cao nhởn, đề ba chữ 鎮海關 (Chấn-Hải-Quan.) Nếu ai đi du-lãm hồi xưa, thời trông lên rất uy vũ, mà có lẽ không dung-dị được vào. Khi đó chúng tôi hai người vào, không thấy có ai hỏi; cũng không thấy có ai mà hỏi. Trong cổng, đất rộng có thể làm vườn ruộng mà chỉ là bỏ hoang cho cỏ mọc. Ở dữa, một tòa nhà xây vuông rất cao nhởn, đó là đài. Chung quanh ở chân thành có những hình xây mui-luyện như cái chiếu tùm-hum, thời người bạn đồng hành bảo tôi đó là những chỗ để thuốc đạn khi trước. Vào mãi đến sau đài, có một cái nhà danh nhỏ con, mà cũng không thấy có ai cả; chỉ ở dưới dàn bí xiêu vẹo, có một con chó con chạy ra cắn *lắc-rắc*. Cứ người lính kiểm-lâm và mấy ông cụ gặp ở đường đã nói truyện, thời ở đài có người gác, có nhẽ là đi vắng chăng? Trông vào cái nhà gianh thời thấy cửa đóng mà không có khóa, bất-đắc-dĩ phải đập cửa để hỏi. Đập gọi một lúc lâu, quả-nhiên ở trong có người dậy, thời chính là bác lính giữ đài mà ngủ trưa.

Chép đến đây, mừng có sự rất may mắn tự nhiên, là sao? Nguyên người lính giữ đài đó trước có đóng ở Huế, cho nên cùng với ông bạn cùng đi với mình có quen biết. Có một chút quen biết mà trong sự đi chơi cũng có hơn

Khi ấy người lính mời vào chơi uống nước, rồi dẫn khách lên xem đài. Mở cửa đài, trông ra mặt bể. thật là mênh-mông bát-ngát, lại đương trưa giời nắng gió, khiến cho người du-lãm dễ phát sinh ra cảm-tưởng sâu xa. Nền đài xây bằng đá, dưới có hầm, là của Nam-triều ta, vật cũ. Phần trên, dui sắt. dầm sắt, thời chắc là của Nhà-nước Bảo-hộ mới làm sau, nhưng cũng đã dỉ đen, trông thành vật cũ vậy. Có một cái tủ to. trong chứa bát đĩa dao dĩa, những đồ dùng ăn cơm tây, hỏi người lính thời là đồ cần dùng của những học-sinh nam nữ của qui Đại-Pháp Bảo-hộ ở Huế trong mấy tháng hè ra nghỉ đài. Mình hai người đi chơi hôm ấy, may không phải là ngày nghỉ hè, nên mấy được hưởng cái hạnh-phúc tàn dư của Cô-Tô vậy. Lúc ấy xem đồng hồ đã tới một giờ chiều, đói và mệt, dở rượu và các thức đồ ăn, bầy bàn ghế, mượn bát đĩa lại tần phiền chủ-nhân cho một đĩa rau bí luộc. Ăn một miếng, uống một chén, thật ngon, trông ra ngoài chỉ có bể cùng giời, rồi say tít lúc nào không biết. Khoảng 3 giờ chiều, đương nằm ngủ say ở ngoài hiên bao lớn, bị ông bạn đồng-hành cưỡng bách đập dậy để đi về. Mặt giời đã sế dặm về còn xa, cho nên say đến đâu

cũng phải tỉnh Xuống đài, từ dã người lính gác ra về, lại ngồi đợi đò một hồi lâu, hỏi nghe những người ở bến đò nói truyện, hợp với những câu truyện nghe mấy ông cụ già gặp ở đường, cũng là người lính gác đã nói, thời : chỗ Thuận-An đó có hai xã : Thai-dương-Thượng và Thai-dương-Hạ thuộc huyện Hương-trà, phủ Thừa Thiên. Dân cư có chừng trăm nóc nhà, lấy việc trải lưới làm sinh-nghiệp; cũng có nhà làm việc buôn bán, thời cũng chỉ những thức cần dùng cho các nhà trong xóm, như dầu tây, mắn muối, diêm thuốc mà thôi. Quanh cù lao, nghe người tây có định đánh một con đường ô tô, có nhẽ cũng chỉ là sự chơi mát. Chính chỗ cửa bể trước thời đến nay cát lấp, chỗ cửa bể nay đó là luồng nước lại mới thông; nhưng bây giờ đi lại vắng tầu bè, chỉ là khu vực các ngư-ông ra vào hôm sớm. Trước kia hai nghìn quân đóng giữ Thuận-An, bây giờ một tên lính chấn hải. Thời đại xuy di, giang-sơn biến cải, thiên công đa sự, nhân sự vô thường, người du quan mà khách vấn chương, khỏi sao tình tự vấn vương vậy !

(Đây là một đoạn văn du-ký ở trong quyển Giấc-mộng-lớn, trích lục để trứng nghĩa ba-đào của thành quách giang sơn)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

CÂU KHÔI HÀI

Sáng hôm mồng 7 Juillet, các xe điện chưa chạy, đứng trên sân Tòa báo, trông xuống hồ Hoàn-Gươm, trên bờ hồ một có con gái, yểu điệu phong-lưu, chờ đợi chi ai trên mặt nước ?

Mình ngắm mãi không khỏi lấy làm ngờ.

Tới khi nhà dưới mở cửa hàng, té ra một vị thục-nữ đó là người đến hỏi mua An-nam Tạp-chí số 11.

TẢN-ĐÀ

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Công việc của Bản-chí, những phần chú-trọng đã tường ở trên bài « Kính-ngỏ cùng Độc-giả chư vị » ; còn như thời-sự thời chư quí độc-giả hẳn đã xem ở các báo hằng ngày về phần nhiều. Bản-chí dẫu có mục Thời-sự, thời tin-tức cũng chẳng qua có như thế mà thôi. Tuy vậy, chí cũng là báo, đã là báo mà nếu toàn-niên không có ít nhiều trang giấy nói đến Thời-sự, thực là khuyết-điểm rất to. Vậy nên Bản-chí đặc thiết mục này, kỳ nào cũng có trích đăng những ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới, một là để cả Độc-giả ở xa nơi thành thị, hoặc thượng-du, hoặc thôn rã mà không mua các báo hằng ngày thời cứ xem ở An-nam tạp-chí đây, cũng đủ hiểu qua đại-lược những sự-cố hiện-thời và tình-hình trong báo-giới ; hai là các Độc-giả dẫu có mua báo hằng ngày, mà xem thêm ở mục này của An-nam tạp-chí, cũng chưa hẳn không có một chút tiện lợi vậy.

Trong báo-giới, thường có một thời-sự mà các báo đăng tải, phải theo tin-tức ngày hôm ấy, ngày hôm

khác, chép làm bao nhiêu kỳ ; lại báo này tưởng về đoạn này mà đoạn kia có lược, báo kia lược về đoạn khác mà đoạn này lại tường; lại thường có một vấn-đề mà các báo phát biểu ý-kiến, báo này thế nọ, báo kia thế kia, rất là bất nhất. Nay Bản-chí trích để đăng tải, tùy ý tải định, kỳ nào việc nào có trích ở những báo nào số nào, đều có kỳ chú minh bạch. Sự trích đăng đó, chỉ cứ những lời trong các báo hoặc có trùng điệp nhau thời lược đi mà thôi, chớ Bản-chí không có thêm một lời bình-luận nào cả. Mong chư quí Độc-giả coi ở mục này của An-nam tạp-chí mà ý-kiến và tiêu tức trong báo-giới sẽ biết được tường tận dần minh. Còn riêng phần Bản-chí đối với thời-cục có những ý-kiến gì về việc gì, mỗi kỳ sẽ biểu yết lên trong bài luận thuyết ở đầu, để chư-Tôn coi trước.

An-nam tạp-chí

---

13 NGƯỜI BỊ HÀNH HÌNH

26 người được ân giảm

Trong số 39 người dự vào cuộc phiến động Yênbay đêm hôm 10 rạng ngày 11 Février 1930, bị hội-đồng Đề-hình họp ở Yên-bay lần thứ hai vào ngày 27 Mars 1930 xử-tử, thì 26 người được ân xá, còn 13 người, hôm 10 Juin vừa rồi thì quan giám-quốc Doumergue nước Pháp y án.

Danh-sách các người bị xử-tử

1· — Nguyễn-Thái-Học

26 tuổi, cha là Nguyễn-Văn Hạch, người làng Thổ tang, phủ Vĩnh tường (Vĩnh-yên)

2· — Phó-Đức-Chính

23 tuổi, quán ở Bắc ninh.

3· — Bùi-Tư-Toàn

37 tuổi, người làng Xuân-lũng (Phú-thọ)

4· — Bùi-Văn-Chuẩn

35 tuổi, linh pháo-thủ số 7097,

5· — Nguyễn-An

linh pháo-thủ số 3373, quán tại Lý-nhân (Nghệ-an),

6· — Đào-Văn-Nhít

làm bồi ở Yên-bay.

7· — Ngô-Văn-Du

linh pháo thủ số 7804, quán ở Huế.

8· — Nguyễn-Văn-Tiềm

cai pháo-thủ số 3725, quán ở Huế.

9· — Nguyễn-Như Liên tức Ngọc-Tỉnh 20 tuổi, quán ở Cao-mại (Phú-thọ).

10· — Nguyễn-Văn-Cửu

linh pháo-thủ số 7293, quán ở Ngọc-vệ (Vĩnh-yên),

11· — Lê-Văn-Tụ tức Hương-Hói, 55tuổi, quán làng Xuân-lũng (Phú-thọ).

12· — Nguyễn-Văn-Tinh

linh pháo-thủ số 2751, quán làng Đô-quan (Nam-định).

13· — Hà-Văn-Lao tức Chúc, linh pháo-thủ.

Sau khi tiếp được điện-tín của quan Doumergue, quan Thống-sứ Bắc-kỳ ra lệnh cho sở Mật-thám giải 13 người lên Yên-báy hành hình.

Hồi 8 giờ rưỡi tối hôm-qua, các tội-nhân bị xếp lên một chiếc xe ô-tô hôm của sở Mật-thám, giải ra ga Hanoi, xe đi thong thả, hai bên đi kèm có 12 người lính khố xanh do một viên quản chỉ huy. Lính sen-đầm, lính cảnh sát, tất cả đến ngót hai mươi người đi theo chiếc xe ô-tô đó ra tận ga và giẫn các tội-nhân lên toa xe lửa. Đi trông nom bọn áp giải các tội-nhân, có ông Arnoux là chánh sở Mật-thám Bắc kỳ và hai viên thanh tra Mật-thám Tây.

Lúc này, các chuyến xe lửa đi về đã gần hết trước và trong ga tuy vắng tanh, nhưng sở Mật-thám cũng vẫn cho phòng thủ rất cẩn thận, người sở Mật-thám và lính cảnh-sát canh phòng khắp ngả, người đi lại đều bị chú ý xem xét.

8 giờ 52 phút, một tiếng còi thét vang, chuyến xe lửa riêng từ Hanoi lên Yên-bay bắt đầu chạy. Trên chuyến xe này chỉ có toa hạng tư, bốn mặt cửa đóng kín mít, trong một toa có 13 tội-nhân.

Ngoài ba toa kia ra, còn dằng sau toàn xe trở súc-vật (thường gọi toa bò) để không cả.

Đêm càng khuya, xe chạy càng mau, người trên ngồi lắm cũng mệt kẻ, giựa lưng vào thành toa, người thiu thiu ngủ.

Duy chỉ có những lính sen-đầm và lính mật-thám ngồi canh các tội-nhân thì lúc nào hình như cũng tỉnh tao khỏe mạnh, mỗi cái cử động của các tội-nhân đều chú ý xem xét cả.

Một giờ 40 phút sáng hôm nay, xe tới ga Yên-bay. Ở trước ga Yên-bay có quan Công-sứ, quan phó Công-sứ, ông Cầm Yên-bay và một đội lính lê-dương đứng chờ sẵn. Ngoài cửa ga cùng các phố có lính cảnh-sát đứng nghiêm phòng sẵn. Các tội-nhân lần lượt ở trên toa xuống. Lính lê-dương và lính sen-đầm đi kèm hai bên, giải các tội-nhân về thẳng nhà pha Yên-bay, việc xếp đặt đã sẵn sàng từ 4 giờ rưỡi sáng. Năm giờ mười phút thì bắt đầu hành hình.

Các tội-nhân bị xử ở khu đất công ngay trước cửa trại khố xanh tức là khu đất xử bốn người lần trước.

Chung quanh và trong khu đất này có chừng 200 người vừa lính pháo-thủ, lính khố xanh, lính lê-dương đứng canh. Công chúng đến xem lẻ tẻ có một số ít người, vì việc hành hình sớm quá, cũng không mấy người biết.

Lên đoạn-đầu-đài lần lượt những người sau này : Nguyễn-như-Liên tức Ngọc-Tỉnh, Ngô-văn Duy, Bùi-văn-Chuân, Bùi-tư-Toàn, Nguyễn-văn-Cửu, Đỗ-văn-Tu, Nguyễn-văn-Tiềm, Nguyễn-văn-Thinh, Đào văn-Nhít, Nguyễn-An, Phó đức Chính, Nguyễn-thái-Học.

Sáu giờ thì chém xong, không sảy ra việc gì cả. 13 cái xác xếp vào 13 cái săng bằng gỗ chất lên bốn chiếc xe bò, tải ra một khu nghĩa-địa ở cách ga 500 thước, vào chôn ở gần bốn cái mộ của những người bị xử tử lần trước.

Đến trứng kiến việc này có đại biểu của các báo Le Matin và báo Petit Parisien cùng quan thanh-tra Servoise. Các ông này đã đi chuyến xe lửa sáng hôm nay về Hanoi.

Ngọ-Báo
17 Juin N·857

NẶNG MỘT CHỮ TÌNH
CÔ GIANG TỰ TỬ CHĂNG ?

Sáng hôm thứ tư 17 Juin vừa rồi, người đi làm ruộng sớm, thấy trên một khu đất không, thuộc làng Thổ-tang, phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên là chỗ nhà Nguyễn-thái-Học ở cũ, thấy xác một người con gái trạc ngoài hai mươi tuổi, nằm vật ra đó chết. Bên cạnh chiếc tử-thi này có một khẩu súng lục. Người làng vội-vàng lên báo quan Phủ.

Các quan chức tỉnh Vĩnh-yên và quan phủ Vĩnh-tường về khám nghiệm thì thấy người đàn bà đó tắt nghỉ đã lâu rồi và có một viên đạn bắn xuyên qua cổ. Lập tức cho đưa về tỉnh-lỵ để khám nghiệm và cho đòi thân-nhân của người mới từ trần đến nhận diện.

Tử thi này chưa biết rõ là ai. Song cứ như lời của những người ở gần vùng này thì nói là xác của người vợ cả Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên khi còn học tại trường Cao-đẳng Thương-mại, Nguyễn-Thái-Học đã có vợ. Nhưng từ khi lập ra Nam-đồng thư-xã tức là cái ổ của Việt Nam quốc-dân-đảng sau này. Học với vợ ý-kiến không hợp, nên đến năm 1928 thì Học viết giấy giấy vợ. Người vợ này từ đó trở đi không chịu lấy ai cả. Sau khi nghe tin Nguyễn-Thái-Học bị xử tử ở Yênbay thì cũng về đó tự tử để trọn tiết với chồng.

Nhưng một người đàn bà thường thì không làm gì có súng lục, nên có người nói, người tự tử đó là Nguyễn-thị-Giang tức Cô-Giang. Cô-Giang là chị cô Bắc, là người trong phiên tòa ngày 27 Mars vừa rồi bị hội-đồng đề hình họp ở Yênbãy kết án phát vãng chung thân.

Cô Giang, cứ như lời khai của ít nhiều đảng-viên của Quốc-dân-đảng thì là tình-nhân của Nguyễn-Thái-Học và là một người giữ việc thông tin cho Quốc-dân-đảng. Cô-Giang quán ở Bắc-giang, gần đây bị truy nã riết lắm, nhưng vẫn chưa bắt được,

Cô Giang có lẽ vì thấy Nguyễn-Thái-Học mới bị xử tử, nên cũng tự sát để trọn chữ chung-tình!

Lời đoán thứ như có phần đúng hơn.

Nay mai thân nhân cô Giang lên nhận diện, ta sẽ biết đích người đàn-bà đó là ai.

Ngọ-báo
20 Juin N. 860

Cô Giang bắn mình chết theo Thái-Học

Dưới bờ ruộng, tử-thi người thiếu-phụ nằm sóng-sượt. Người chết tuổi chừng 21, 22, mình mặc đồ tang. Trên thái-dương một vết thương sâu hoắm, dì-dỉ chất nước vàng trong óc chảy ra. Cạnh mình một khẩu súng lục...

Ấy là cái thảm-cảnh mà sáng hôm 18 Juin, một người dân làng Đồng-vệ, phủ Vĩnh-tường nom thấy cách cái quán con, dưới cây đề cỗ vài ba thước vậy. Cạnh người chết, khẩu súng lục còn thấy bỏ rơi, tất không phải cái nạn thường. Vì vậy, một lúc sau, viên Phủ sở-tại cùng nha lại đã thân về tới chỗ người thiếu-phụ nằm. Mới nhìn vào mặt người chết, một lời nói nhỏ:

Cô Giang!

Ừ, cô Giang! cái tên này đủ sẻ tan cái màn bí mật đang quây-quần che quanh cái thây lạnh-cứng.

Cô Giang là em ruột cô Bắc. Hai cô cùng sinh tại tỉnh Bắc-giang. Cái chí-hướng hai cô có lẽ khác hẳn các chị em bạn gái thường, từ khi có V. N. D. Đ, thì thân-thể, tâm-hồn hai cô đều buộc chặt vào vận-mệnh viên đảng trưởng. Hai cô — theo một tờ báo ta — là « vợ chính-trị» của Thái-Học.

Sau khi V. N. Q. D. Đ. vỡ, Thái-Học cùng hai cô phải đem thân trốn tránh. Công-việc nặng-nề của đảng, hai cô phải bắt tay vào làm từ đó.

Ngày 24 Août 1929, cô Giang nhanh chân thoát, không bị bắt cùng hai Viên ở nhà số 9 ngõ hàng Bột.

Xảy cuộc biến-động tháng février đầu năm. Học cùng cô Bắc phải bắt. Các yếu-nhân trong đảng dần-dần cũng mắc vào lưới công dàng bắt. Duy một mình cô Giang vẫn cánh hồng bay bổng, nhà thám-tử đại-tài cũng không tìm ra dấu-vết.

Cô trốn-tránh cho đến ngày 17 Juin. Có lẽ, lúc Thái-Học và 12 người cách-mệnh, nối chân nhau lên đoạn-đầu-đài, thì cô Giang cũng lần quất đâu cạnh đó, rỏ rọt nước mắt sau cùng mà từ-biệt người đồng-chí.

Tử-thi Thái-Học đã yên-nghỉ trong cánh-đồng Yên-Báy, cô Giang mới giở ra về.

Về đâu ?

Sáng sớm hôm sau, tử-thi cô đã thấy sóng-soài trong thửa ruộng làng Đồng-vệ, cách làng Thái-học (Phổ-tang) chừng độ 3 cây-số.

Thực cô Giang nằm đấy chăng ?

Nguyễn-Văn Khôi, Nguyễn-Xuân-Quế và Đỗ-Thúy do sở mật-thám Hanoi dẫn lên, đều nhận đích mặt người bạc mệnh. Mà cả người nhà ở Bắc-Giang lên đó cũng nhận đích cô Giang. Trong túi cô, lần ra còn thấy một bức thư tuyệt-mệnh, dưới ký là « Mme Nguyễn-Thái-Học ». Lá thư này sở Mật-thám đã mang về Hanoi. Còn tử-thi cô Giang thì chôn ngay ở cánh đồng đó.

Cô Giang !

Đòn tây t. báo 28 Juin N° 20

Mang xuống Tuyên-đài.

CÔ GIANG AN TÁNG Ở VĨNH-YÊN

Chiều hôm vừa rồi, ông Cẩm ở Mật-thám Pujol đã đưa mấy đảng-viên Quốc-dân-đảng lên Vĩnh yên nhận diện người con gái mặc tang-phục tự sát ở Vĩnh-yên. Ai nấy đều nhận đích là cô Giang cả. Các nhà đương chức đã cho an táng cô Giang ở Vĩnh-yên.

Chiếc khăn ngang chít ở trên đầu cô *mới xé chưa dặt lần nào*

* * *

Bức thư của cô Giang

Tin cô Giang tự tử bằng súng lục, Ngọ-báo đã đăng hôm qua. Viên đạn bắn vào đầu nhưng không qua, nên còn vướng trong óc.

Khám trong mình cô có thấy một bức thư rất dài, chữ viết thảo rất khó đọc, gửi cho bố mẹ để nói rằng :

Khi Thái-Học còn sống cùng nhau quá nặng lời thề, quyết đồng sinh đồng tử, nay nỡ nào để kẻ ấm người dương mà không bước chân xuống suối vàng cho xong.

Dưới thư cô Giang ký tên là Madame Nguyễn-Thái-Học.

Ngọ-Báo

21 Juin N. 861

Tin thêm về việc

CÔ GIANG TỰ TỬ

Mấy kỳ trước, các báo ở Hanoi đều đăng rằng : Sau khi cô Giang tự tử, các nhà chuyên trách có bắt được một bức thư, dưới ký tên Mme Nguyễn-thái-Học.

Nay cứ theo tin một tờ báo Tây thì ngoài bức thư đó lại còn một lá thứ hai không có chữ ký, nhưng lá của ban Trung-ương đảng V. N. Q. Đ. mới viết cho cô Giang, ra lệnh cho cô rằng : « *Ngay ngày hôm nào mà được tin Nguyễn-thái-Học bị hành hình, thì cũng phải chết theo* ».

Xem như vậy, thì đủ hiểu cái chết của cô Giang không những do ở sự giữ lời thề-ước với Nguyễn-thái-Học, mà lại còn là lệnh riêng của đảng truyền cho cô phải tự-tử nữa.

Một điều nên chú-ý là bức thư tuyệt mệnh, cô Giang đề ngày tháng hai tây, (Février 1930) nghĩa là viết ngay sau hồi biến-động ở Yên-bay.

Đông-Phương-Báo

26 Juin N° 68

Ai là người chủ ?

BẮT ĐƯỢC SÚNG VÀ ĐẠ

Tại Haiphong sở Cẩm mới nhặt được một cái va lit vất ở bãi cỏ, trong đựng một khẩu súng lục và 12 viên đạn

Hồi 8 giờ, sáng nay, người hàng cháo là Nguyễn-thị-Đao 25 tuổi, ở ngõ Quảng-An (O. d'Endhal) số 27 gian thứ năm đương rao ở trong ngõ Quảng-Lạc, chợt nhìn thấy trên bãi cỏ hoang, sau chuồng

si số 15, một cái va lit còn mới, bèn bảo ông Lê phúc-Lợi là chủ nhà số 15 biết, Ông vội vàng ra xem, và cho thằng cháu là Đoàn-văn-Hiếu (9 tuổi) ra bóp Đầu-Cầu trình, Một chốc, ông Rivoir là Chef poste cung với người phủ lit Bang đến tận nơi, thấy cái va lit không khóa, mở ra thì trong đựng :

1 khẩu súng lục 18m/m, trong có 6 viên đạn.
1 con giao nhọn hơi rỉ.
1 quần lĩnh.
1 bộ quần áo tây trắng
2 áo tây trắng
1 đôi giầy trắng
1 phô côn (faux col)
1 Cavát (cravatte)
1 tờ Ngọ-Báo.
1 tờ Thực-nghiệp.
1 tờ giấy bọc 6 viên đạn to, trong tờ giấy học ấy có biên những chữ này :

Nguyễn-văn-Vinh
Nguyễn Hưu
Không may.
Không

Vậy ông Rivoire bắt cả ba người là chị hàng cháo, hai chú cháu ông Lợi, lên sở Mật-thám. Khi hỏi ông Lợi trước làm nghề nghiệp gì, thì ông khai trước kia có làm cho sở Navigation, nhưng vì đau ốm đã thôi từ tháng Septembre 1929, tới nay đã được 10 tháng rồi.

Sở Mật-thám còn giữ mấy người ấy lại để xét hỏi.

(Lược)

Đông-phương báo

28 Juin N. 170

Bắc - Sử Diễn Nghĩa

(LỊCH - SỬ TIỂU - THUYẾT)

Nước Tầu, gọi là « **Trung-hoa** », cũng gọi là « **Trung-Quốc** », là một nước đất rộng người nhiều, mà có nước sớm hơn hết ở trong cõi Á đông ; quan-hệ với nước An-nam ta từ xưa, lại rất là mật-thiết. Nay đem **lịch-sử của Trung-quốc** chép thành một bộ **Trường-thiên tiểu thuyết**, bắt đầu từ đời vua **Đường Nghiêu** làm trước nhất, tức là ngang với **đời vua Hùng-vương nước Nam ta.**

***

Trước đây 4286 năm, ở Trung-quốc có một vì thiên-tử, gọi là vua *Nghiêu*, chính tên là *Phóng-huân*, họ là *Cơ*, nguyên cũng là một vua chư-hầu, vì có nhân đức mà được các ông vua chư-hầu khác tôn lên làm vua thiên-tử Vua Nghiêu đã lên ngôi thiên-tử, gọi là nhà *Đào-đường*, việc chính-trị rất là công minh, thiên-hạ thái-bình, tiếng thịnh-trị đời sau ít có. Trong đời ấy, lại có một truyện rất là kỳ-khôi, là vua Nghiêu đem cả hai con gái của mình, gả cho một người hạ-dân, tên là *Thuấn*,

Nguyên ông *Thuấn*, họ *Ngu*, người ở miền sông Vị, sông Nhuế, (nay về hạt huyện Vĩnh-tế, tỉnh Sơn-tây, Trung-hoa) có bố là cụ Cổ-Tẩu, mẹ mất sớm Cụ Cổ-Tẩu lấy người vợ sau, đẻ thằng con nữa là Tượng. Tượng rất cốc láo. Cụ Tẩu thời mê người vợ sau, yêu con bé, thương muốn giết Thuấn. Ông Thuấn ở hết đạo hiếu đễ, càng ngày càng giữ gìn, đến năm hai mươi tuổi, có tiếng là người hiếu-hạnh đồn lên

cả đến vua. Khi ấy vua Nghiêu tuổi đã già, mà làm vua kể đã bảy mươi năm có ý mỏi mệt; lại nghĩ rằng con giai mình là tên Chu thời hư, không thể giao ngôi cho mà cho nó lên làm vua thiên-hạ được. Vậy hỏi rộng các hàng quan ở triều, xem trong thiên-hạ có ai là người có thể để mình truyền ngôi cho. Các quan đều tâu lên rằng có Thuấn. Nguyên vua Nghiêu cũng vẫn đã nghe tiếng Thuấn là người tốt, song giao ngôi cho làm vua là việc rất trọng hệ không dám cẩu-thả mà làm ngay. Cho nên Vua muốn thử ông Thuấn, xem có thật là người tốt hay không. Lúc ấy Vua Nghiêu mới đem hai người con gái của mình, gả cả cho làm vợ ông Thuấn, cho về làm nàng dâu nhà họ Ngu.

Hai người con gái người lớn tên là *Nga-hoàng*, người bé là *Nữ-anh*, sau khi đã lấy về ông Thuấn làm vợ, ở gia-đình rất là thuận-hòai. Hằng khi bố mẹ lập mưu gọi ông Thuấn để định giết, ông Thuấn biết sự-thế, hỏi hai vợ có nên đi hay không. Hai người rằng: Cha mẹ gọi thời cứ phải đi, song phải nên biết cách giữ mình. Như một khi sai ông Thuấn chèo lên chát bịch thóc, ông Cổ-Tẩu ở dưới ôm lửa đốt bịch, ông Thuấn lấy hai cái nón đỡ mình như hai cánh mà bay xuống, được khỏi không chết. Lại một khi sai ông Thuấn đào riếng, ông Thuấn đào sẵn một cái lỗ kín một bên, đến khi đào đã sâu xuống ở dưới, ông Cổ-Tẩu ở trên cùng với Tượng khuân đất lấp riếng, ông Thuấn lại do cái đường kín ở cạnh mà chốn ra, lại được thoát không chết. Những sự như thế, cũng là có hai người vợ bảo ý cho ông Thuấn biết mà phòng thân, cho nên mấy bận được khỏi chết.

Vua Nghiêu đã gả hai con gái cho ông Thuấn để xét cách ăn ở trong gia-đình, lại sai ông Thuấn nhiều việc khác, để xem cái tài năng về việc quốc gia, như thế hai năm, thật biết ông Thuấn là người tốt rồi vua Nghiêu cáo lão mà nhường cho ông Thuấn lên quyền ngôi làm vua. Ông Thuấn đã lên quyền ngôi vua, làm được nhiều công việc lớn lao. Lại hai mươi tám năm nữa thời vua Nghiêu hết thọ qui tiên, thế là kể từ lúc lên trị-vì thời một trăm thêm một năm, mà tính cả số thọ thời một trăm mười bảy tuổi (1).

Vua Nghiêu đã qua mất, vua Thuấn thật nhận chức lên làm vua, phong cho con vua Nghiêu là Chu làm chư-hầu ở nước Đan, phong cho em mình là Tượng làm chư hầu ở nước Hữu-ty, lại còn làm nhiều những công việc rất hay, cũng theo ý kiến vua Nghiêu mà cử ông Võ là người có công to về việc trị-thủy, cho lên quyền ngôi vua, để rồi sau cũng lại truyền ngôi cho. Vua Thuấn cũng có con là Thương-Quân, mà cũng hư, cho nên cái ngôi làm vua cũng lại phải để nhường cho người khác trong thiên-hạ thế là cái bụng tốt của vua Nghiêu, vua Thuấn, mà đời sau ít có được như thế. Vua Thuấn từ sau khi lên ngôi, đến năm thứ bốn mươi tám, đi tuần thú về miền nam, mất ở núi Thương-Ngô (nay về hạt Hồ-nam Trung-hoa). Số thọ 110 tuổi. Hai bà vợ thương nhớ, đến ở núi Tương-sơn (núi ở dữa hồ Động-đình, đi ra gần sông Tương), than khóc rồi cùng thác ở đó. Người sau có lập đến lên để thờ, gọi là đền Tương-sơn. Nước mắt của hai bà khóc ra rơi vào những khóm trúc ở đó, thành ra trúc có chỉ. Đến nay những thứ trúc chỉ, cái chỉ đó tức là vết nước mắt của hai vợ vua Thuấn là hai con gái của vua Nghiêu.

Qua đời vua Thuấn, ông Võ lên làm vua, gọi là nhà Hạ. Năm đầu là năm bính-tý, ban lịch cho trong nước, lấy tháng kiến-dần làm đầu năm (2). Chánh-

(1) Trong đời vua Nghiêu làm vua, năm thứ 5, nước ta có sai sứ sang dâng một con rùa to, vuông hơn ba thước, tuổi nó đã nghìn năm.

(2) Năm Bính-tử, trước kỷ-nguyên lịch Thái-tây 2205 năm. Kiến-giần tức là tháng giêng ta bây giờ. Lịch tầu và lịch ta hiện nay, tức là theo từ lịch nhà Hạ.

trị của vua Võ, cũng theo như vua Nghiêu, vua Thuấn khi xưa, lại nhân sau lúc Đường, Ngu thái bình đã lâu, cho nên trong nước giầu có thịnh vượng. Trong kho của nhà nước, sự súc-tích có đủ chi dùng tới ba mươi năm ; các nhà tư cũng có đủ dùng đến chín năm. Vua Võ thật làm vua tám năm rồi mất, con là Khải lên nối ; từ đấy về sau, cứ cha truyền con nối, có lúc thịnh cũng có lúc xuy, mười bốn đời đến vua Quí lên ngôi mà thiên-hạ đại loại.

Vua Quí cũng gọi là vua Kiệt, là một người có sức khỏe lạ thường, tay ruỗi thẳng được cái vòng sắt, xé thây hổ báo dễ như bỡn. Kiệt cậy có sức khỏe như thế, cho nên không cần sự đức nghĩa, dẫu làm hại thiên-hạ đến thế nào ta nữa, cũng không lấy làm bận lòng. Kiệt lên ngôi vua đã 33 năm, đem quân đánh một nước chư-hầu là Hữu-thi. Vua Hữu-thi đem con gái là Muội-Hỷ dâng Kiệt, Kiệt lấy làm yêu lắm, Muội-Hỷ nói gì cũng nghe. Muội-Hỷ thích nghe cái tiếng xé lụa, Kiệt sai lấy lụa trong kho đem ra xé chơi, cho được vui lòng Muội-Hỷ. Thịt chất làm núi, nem treo làm rừng, rượu chứa làm thành ao có thể chở được thuyền, đánh một tiếng trống mà xúm xuống uống như trâu, có đến ba ngàn người, lấy như thế làm trò vui thú. Các bề tôi có can ngăn thời Kiệt không nghe mà giết chết. Bởi thế cho nên thiên-hạ oán phản, một ông vua chư-hầu là Thang nổi quân lên đánh Kiệt, đánh nhau ở cánh ruộng Minh-điều. Kiệt thua chạy rồi chết. Thế là nhà Hạ mất ngôi làm vua.

* * *

Kể từ vua Võ nhà Hạ mới lên ngôi cho đến năm vua Kiệt thua chạy rồi mất, cộng được 439 năm mà rồi cái ngôi vua ở Trung-quốc lại bắt đầu đổi sang nhà Thương, tức vua Thang là ông vua thứ nhất.

sẽ tiếp theo

Nguyễn khắc-Hiếu

Hủ-nho lo việc đời

Đáng nực cười cho bác hủ-nho !
Việc đời ai khiến gánh mà lo.
Lo to, lo nhỏ, lo nào xiết,
Lo thế mà ai có biết cho.

Lo vì công việc báo An-nam,
Đã chót đa mang, cứ phải làm.
Bốn bể phen này không trắng nợ,
Tuyết sương âu hẳn bạc đầu thêm.

Lo vì tin nước đã lưng sông,
Đâu đó đè điều có vững không ?
Con cháu rồng tiên đương đói dở
Không hay Hà-bá có thương cùng ?

Lo vì xã-hội thiếu tiền tiêu,
Một kẻ phong-lưu, chín kẻ nghèo.
Cái nỗi sinh nhai mà khốn khó,
Con đường tiến-hóa khó mà theo !

Lo vì phong-hóa mỗi ngày xuy,
Thánh-giáo không ai kẻ hộ-trì.
Hằng-sản đã không, tâm cũng mất.
Sĩ còn chưa trách, trách dân chi !

Lo vì thế-cục nát như tương,
Cái ruột tằm ai rối vấn-vương.
Nhọn chẳng ăn ai, ngòi bút sắt,
Cùng ai lo tính lúc đêm trường.

Đáng nực cười cho cái sự lo !
Lo quanh, lo quẩn chẳng ra trò.
Việc đời ai có lo chăng tá ?
Ai có lo cùng bác hủ-nho ?

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

LỜI XIN LỖI

Tôi vì công việc bận quá, sự gửi báo liệu không khỏi sơ-xuất khiếm-khuyết, mong các anh em ân nghĩa trong ba kỳ lượng thứ cho.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

Quảng cáo

Các Ngài có thư muốn nhận đại-lý bán giúp Tạp-Chí ở các tỉnh

Nay tạp-chí lại bắt đầu ra từ số 11. Bản-quán xin tùy tiện-nghi gửi tới các Ngài có thư về nhận bán giúp ở các tỉnh; số tạp-chí gửi đi nơi nào bao nhiêu. Bản-quán đã có sổ biên lại minh bạch. Tiền hoa-hồng xin tính nhất định trừ 10 %, tem cước các khoản, về Bản-quán chịu phí.

Cứ mỗi tháng bán hết bao nhiêu, dù nhiều dù ít, xin các Ngài tính tiền gửi cho và báo cáo cho biết, những số tạp-chí còn lại, xin cứ lưu ở quý-hiệu bán dần; khi nào Bản quán có cần đến, xin sẽ có thư để các Ngài giao giả.

Ngài nào vui lòng nhận bán giúp thời từ kỳ sau Bản-quán cứ gửi tạp-chí tiếp theo. Ngài nào không sẵn lòng bán giúp cho thời xin gửi hồi tạp-chí cho. Bản-quán không giám lấy làm sự ân-hận.

Vậy mong: nhận được kỳ tạp-chí này, các Ngài cho được biết hậu-ý, để tiện kỳ sau xin liệt đăng các quý-hiệu trong tạp-chí, để các bạn Độc-giả ở các nơi tiện coi.

Nay kính

AN-NAM TẠP-CHÍ

Directeur Gérant

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU